VƯỜN THIỀN RỪNG NGỌC
THIỀN UYỂN DAO LÂM

Việt Dịch: Thông Thiền

Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh

---o0o---

http://thuvienhoasen.org

Mục Lục

Lời đầu sách
Tiểu sử tác giả
Về người chú thích
Thể lệ chung
Chánh Văn
001 - 100
101 - 202
203 - 302
303 - 402
403 - 502

503 - 602
603 - 706

---o0o---

Nguyên thủy vầng hồng reo nắng ấm
Vườn Thiền vạn đóa sắc thường tươi
Rừng ngọc muôn châu màu vẫn thắm
Kết lại thành thơ kính tặng người

---o0o---

Lời đầu sách

Vào đời Đường, Lí Hãn có trước một thiên »Mông Cầu« tiện cho kẻ sơ cơ học thuộc. Từ đó về sau, có một ít người phỏng tác loại sách Mông Cầu. Ở đây xin nêu ra một vài quyển như: Thuần chính mông cầu, Tân mông cầu, Tục mông cầu v.v…

Quyển sách này có tên »Thiền uyển mông cầu dao lâm« là do phối hợp hai phần: phần I tức quyển Thiền uyển mông cầu và phần II tức quyển Thiền uyển dao lâm.

Quyển Thiền uyển mông cầu trên là do Sư Chí Minh soạn ở chùa Thiếu Lâm, non Tung Sơn vào đời Nam Tống. Thiền sư Chí Minh bắt chước theo Lí Hãn, trích dẫn sử truyện, căn cứ vào các Tổ Lục rồi biên tập việc làm của các đời Tổ sư trong Thiền Lâm, trên từ Phật Thích-ca đến cuối là Hòa thượng Huyền Minh. Mỗi câu bốn chữ, cả thảy gồm trong 562 tắc thiền ngữ, dưới thể thơ Ngẫu đối, lời lẽ hài hòa hợp thành âm vận, giúp người học thuộc dễ dàng,

từ vốn liếng này có thể soi lòng và biện đạo.

Ba mươi năm sau đó, cũng đời Nam Tống, vào niên hiệu Bảo Hựu thứ 3 (1255), tại Yên Kinh nơi chùa Đại Vạn Thọ, Thiền sư Đức Giản hiệu Tuyết Đường, tham khảo trích dẫn các bộ loại như kinh Phổ diệu, Truyền đăng lục, Phổ đăng lục, Ngũ đăng hội nguyên, Phật Tổ thống kỉ, Tăng bảo lục v.v… chú thích sách này rõ ràng, làm cho mỗi câu thêm thi vị, rồi giao cho Ngọc Khê tiến hành việc khắc bản, lấy tên là Thiền uyển dao lâm, được xếp vào Tục tạng chữ Vạn 卐 tập thứ 148.

Về sự lưu hành này tại Trung Quốc, đến nay cũng chưa biết rõ ràng, các tác

giả ghi chép về Thiền học có Hòa thượng Nghĩa Đế cho rằng: »Sách được lưu hành khá lâu ở Nhật Bản, tuy nhiên ở Trung Hoa thì chẳng còn. Theo ông Viễn Môn Trụ trong Ngũ đăng tục lược thì vị tăng tên Tuyết Đường Giản này thuộc môn hạ của Vạn Tùng«.

Nhờ sự kiện trên chúng ta có thể thấy ở Trung Hoa, sách này truyền bá chẳng được rộng rãi. Về niên đại truyền sang Nhật Bản cũng chưa rõ lắm: Nhờ bản chép tay thời Túc Lợi, khoảng niên hiệu Đại Vĩnh (1521-1527), chúng ta mới biết có sách này lưu hành trong chốn tùng lâm từ trước. Đến thời đại Đức Xuyên (1615-1867), nó được khắc bản trước sau hai lần, thời gần đây lại được biên vào Tục tạng kinh. Thế thì,

sách này há lại rơi vào điều hiềm nghi về văn tự thiền ư?

Than ôi! Tông phong Vạn Tùng làm sách này cốt muốn cho người chân tham thật chứng, trái lại bọn người cạn cợt lấy đó làm vốn riêng gây thành đề tài cho các cuộc tranh luận. Đâu phải là trống đánh xuôi mà kèn thổi ngược?

Thế nhưng, theo chỗ nhận định của cư sĩ Sư Hiên thì »Sách này gồm có 2000 lời, phát minh 500 việc, lời lẽ sáng tỏ mà đầy đủ, sở học cuả Sư sâu mà rộng, đáng cho là cao tột trong Thiền môn. Biển pháp được đúc kết thành tiêu đề, khiến kẻ hậu học bớt được mười năm nhọc nhằn, thành tựu trí nhớ hơn nửa

tạng. Vậy thì, công lao cùng lòng từ bi của Sư cũng đủ cho chúng ta thấy«.

Ở đây, miễn bàn những lời tán dương rườm rà, chỉ biết quyển Mông Cầu này ra đời nhằm mục đích giúp cho người mới vào cửa Thiền có tài liệu học tập và các điệu trong chùa giải trí bằng cách ngâm nga các thi kệ.

Các cư sĩ: Nhàn, Sư Hiên, Long Sơn đề tựa.

---o0o---

Tiểu sử tác giả

Tác giả là Thiền sư Chí Minh, tự là Bá Hôn, hiệu Lạc Chân Tử, lại có hiệu là Thố Am, người đời Tống ở An Châu

(nay là huyện An Tân, Hà Bắc), con nhà họ Hác. Tính tình của Sư rất mực thước, dáng bên ngoài trong quê mùa chất phác, nhưng tinh thần bên trong rất là sáng suốt.

Ban đầu Sư ở chùa Hương Lâm (nay thuộc huyện Vấn, Tứ Xuyên). Nơi đây, Sư thụ giới cụ túc với Tịnh Công và ngày đêm tham cứu chẳng chút biếng trễ, lại đến thưa hỏi nơi thất Tịnh Phổ. Sau đó, tại chùa Đông Lâm (nay thuộc Lô Sơn tỉnh Giang Tây), Sư triệt chứng. Ít lâu sau, Sư được tuyển vào chùa Siêu Hóa. Thời Nam Tống trong những năm 1226-1227, Sư nhận lời đại chúng mời về trụ chùa Thiếu Lâm thuộc Tung Sơn, Hà Nam. Chính tác

phẩm Thiền uyển mông cầu được hoàn thành trong lúc này.

Về sau, Sư tự làm một thiên trường ca rồi ra đi, đại chúng giữ lại chẳng được khiến mọi người càng kính ngưỡng cao đức của Sư. Điểm đáng tiếc là chúng ta chẳng rõ Sư mất vào năm nào, ở đâu, cùng tuổi hạ được bao nhiêu, chỉ biết Sư thuộc pháp phái Vạn Tùng.

Sau đây là một phần trong thiên trường ca do Sư làm trước khi ra đi:

Quán cơm trước núi mở cửa rồi,
Bánh to như đấu, bánh như rây,
Lạc Dương thành ấy nhiều đàn tín,
Đua nhau bày cúng: chuyện vua tôi.
Lão nghèo nàn, tài kém cỏi,
Do đâu lão đến múa rối tồi!

Chống gậy thẳng lên Tung Dương Lộ
Cười chỉ núi xanh, về đi thôi!

---o0o---

Về người chú thích

Người chú thích sách này tên là Đức Giản, tự Vô Tránh, hiệu Tuyết Đường, nối pháp Thiền sư Hành Tú thuộc phái Vạn Tùng tông Tào Động, trụ ở chùa Đại Vạn Thọ ở Yên Kinh.

Đời Nam Tống, triều vua Lí Tông, trong niên hiệu Bảo Hựu (1253 — 1258), Sư tìm tòi và dẫn các Kinh lục để chú giải cho quyển Thiền mông cầu, lấy tên là Thiền uyển dao lâm. Sách này gồm sáu muôn lời, căn cứ vào nguyên bản của sư Chí Minh mà làm, thật là trên gấm lại thêm hoa.

Đáng tiếc là không làm sao biết rõ được tự truyện của Sư.

---o0o---

Thể lệ chung

Bản tiếng Việt này được dịch từ ba quyển: 1. Thiền uyển mông cầu của Thiền sư Chí Minh; 2. Thiền uyển dao lâm của Thiền sư Tuyết Đường; 3. Thiền uyển mông cầu thập di của Thiền sư đời Tống.

Về quyển thứ nhất và quyển thứ hai ở bản Hán được ghép chung và còn có các tên khác như: Thiền uyển dao lâm chú, Thiền uyển dao lâm, Thiền uyển mông cầu, Thiền mông cầu gồm 562 tắc (đã được nói rõ ở lời đầu sách). Riêng quyển 3, do một vị khuyết danh

(mà người ta đoán là một Thiền sư đời Tống) ra công sưu tập các tắc còn sót lại được 144 tắc.

Như thế, quyển »Vườn Thiền Rừng Ngọc« sẽ có trên 700 mẩu truyện Thiền và được trình bày giống như sách giáo khoa, nghĩa là cứ 4 câu là 1 bài, sắp xếp theo thứ tự như sau: a. Nguyên tắc chữ Hán; b. Phiên âm; c. Dịch nghĩa; d. Chú thích.

Trong phần chú thích, chúng tôi nhận thấy có 44 tắc mà Thiền sư Tuyết Đường không tìm được xuất xứ. Riêng về phần chúng tôi trong khi đọc các sách Thiền khác, tình cờ tìm được phần chú thích cho 6 tắc dưới đây: 1. Qui Tông duệ thạch, tắc 65; 2. Tứ Hiền vấn

đạo, tắc 81; 3. Tam Phật hạ ngữ, tắc 82; 4. Phần Dương lục nhân, tắc 199; 5. Thứ Công điểm nhãn, tắc 377; 6. Quốc sư thủy oản, tắc 522.

Thông Thiền

---o0o---

Chánh Văn

001 - 100

釋 迦 七 步
達 磨 九 年
靈 山 密 付
少 室 單 傳
Thích-ca thất bộ
Đạt-ma cửu niên
Linh Sơn mật phó
Thiếu Thất đơn truyền

1. 釋 迦 七 步 - Thích-ca đi bảy bước
2. 達 磨 九 年 - Đạt-ma ngồi chín năm
3. 靈 山 密 付 - Linh Sơn thầm trao pháp
4. 少 室 單 傳 - Thiếu Thất chỉ truyền tâm

青 原 與 斧
南 嶽 磨 磚
大 雄 創 寺
百 丈 開 田
Thanh Nguyên dữ phủ
Nam Nhạc ma chuyên
Đại Hùng sáng tự
Bách Trượng khai điền
5. 青 原 與 斧 - Thanh Nguyên hứa cho búa
6. 南 嶽 磨 磚 - Nam Nhạc mài ngói

gạch
7. 大 雄 創 寺 - Đại Hùng lập Thiền viện
8. 百 丈 開 田 - Bách Trượng bảo làm ruộng

潙 仰 體 用
曹 洞 正 偏
雲 門 數 句
臨 濟 三 玄
Qui Ngưỡng thể dụng
Tào Động chính thiên
Vân Môn sổ cú
Lâm Tế tam huyền
9. 潙 仰 體 用 - Qui Ngưỡng bày thể dụng
10. 曹 洞 正 偏 - Tào Động chỉ chính thiên

11. 雲 門 數 句 - Vân Môn dạy vài câu
12. 臨 濟 三 玄 - Lâm Tế có tam huyền

世 尊 良 久
唯 摩 默 然
帝 釋 插 草
布 袋 乞 錢
Thế Tôn lương cửu
Duy-ma mặc nhiên
Đế Thích sáp thảo
Bố Đại khất tiền
13. 世 尊 良 久 - Thế Tôn nín giây lâu
14. 唯 摩 默 然 - Duy-ma-cật lặng im
15. 帝 釋 插 艸 - Trời Đế Thích cắm cỏ
16. 布 袋 乞 錢 - Sư Bố Đại xin tiền

黃 蘗 一 掌
大 愚 三 拳
李 翱 問 道
陳 操 論 禪
Hoàng Bá nhất chưởng
Đại Ngu tam quyền
Lí Cao vấn đạo
Trần Tháo luận thiền
17. 黃 蘗 一 掌 - Hoàng Bá tát một tát
18. 大 愚 三 拳 - Đại Ngu lãnh ba quyền (đấm)
19. 李 翱 問 道 - Lí Cao hỏi đạo lí
20. 陳 操 論 禪 - Trần Tháo bàn luận thiền

靈 雲 見 花
香 嚴 擊 竹

沙 彌 尋 思
道 者 覓 宿
Linh Vân kiến hoa
Hương Nghiêm kích trúc
Sa-di tầm Tư
Đạo giả mích túc
21. 靈 雲 見 花 - Linh Vân trông thấy hoa
22. 香 嚴 擊 竹 - Hương Nghiêm (nghe) sỏi chạm trúc
23. 沙 彌 尋 思 - Sa-di tìm Hành Tư
24. 道 者 覓 宿 - Đạo giả kiếm nơi trọ

鳥 窠 吹 毛
龍 潭 滅 燭
孚 公 搖 頭
居 士 翹 足
Điểu Khòa xuy mao

Long Đàm diệt chúc
Phu Công diêu đầu
Cư sĩ kiều túc
25. 鳥 窠 吹 毛 - Điểu Khòa thổi lông (trên) áo
26. 龍 潭 滅 燭 - Long Đàm làm tắt đuốc
27. 孚 公 搖 頭 - Phu Công nói lắc đầu
28. 居 士 翹 足 - Cư sĩ đi cà nhắc

三 角 禾 豆
南 華 稻 粟
婆 子 作 齋
甘 贊設 粥
Tam Giác hòa đậu
Nam Hoa đạo túc
Bà tử tác trai
Cam Chí thiết chúc

29. 三 角 禾 豆 - Tam Giác nói lúa đậu
30. 南 華 稻 粟 - Nam Hoa nhiều lúa nước
31. 婆 子 作 齋 - Bà già thết tiệc chay
32. 甘 贊 設 粥 - Cam Chí dọn cháo được

灌 溪 劈 箭
疎 山 嚙 鏃
天 鉢 花 開
九 峰 麥 熟
Quán Khê phách tiễn
Sơ Sơn nghiết tộc
Thiên Bát hoa khai
Cửu Phong mạch thục
33. 灌 溪 劈 箭 - Quán Khê chụp tên gấp
34. 疎 山 嚙 鏃 - Sơ Sơn cắn tên mau

(giỏi tranh luận)
35. 天 鉢 花 開 - Thiên Bát đóa hoa nở
36. 九 峰 麥 熟 - Cửu Phong hỏi lúa chín

啞 子 延 僧
則 天 賜 浴
尚 書 打 毬
大 夫 雙 陸
Á tử diên tăng
Tắc Thiên tứ dục
Thượng Thư đả cầu
Đại phu song lục
37. 啞 子 延 僧 - Kẻ câm rước mời tăng
38. 則 天 賜 浴 - Tắc Thiên cho Sư tắm
39. 尚 書 打 毬 - Thượng thư xem đá

bóng
40. 大 夫 雙 陸 - Đại phu coi cờ tướng

行 者 失 笑
陸 亘 合 哭
大 寂 吹 耳
尊 者 撥 眉
Hành giả thất tiếu
Lục Cắng hợp khốc
Đại Tịch suy nhó
Tôn giả bát mi
41. 行 者 失 笑 - Hành giả bỗng bật cười
42. 陸 宣 合 哭 - Khuyên Lục Cắng nên khóc
43. 大 寂 吹 耳 - Đại Tịch thổi lỗ tai
44. 尊 者 撥 眉 - Tôn giả vén lông mày

寒 山 茄 串
解 脫 粥 篦
陳 老 蒲 鞋
龐 蘊 漉 籬
Hàn Sơn gia xuyến
Giải Thoát chúc bề
Trần lão bồ hài
Bàng Uẩn lộc li
45. 寒 山 茄 串 - Hàn Sơn đập xâu cà
46. 解 脫 粥 篦 - Giải Thoát dầm quậy cháo
47. 陳 老 蒲 鞋 - Thầy Trần đan giầy cói
48. 龐 蘊 漉 籬 - Con Bàng Uẩn bện sáo

悟 本 紙 撚
法 眼 香 匙

光 仁 女 子
玄 則 童 兒
Ngộ Bản chỉ nhiên
Pháp Nhãn hương thi
Quang Nhân nữ tử
Huyền Tắc đồng nhi
49. 悟 本 紙 撚 - Ngộ Bản đáp ép giấy
50. 法 眼 香 匙 - Pháp Nhãn hỏi muỗng hương
51. 光 仁 女 子 - Quang Nhân bảo con gái
52. 玄 則 童 兒 - Huyền Tắc với bé trai

九 峰 拽 擺
保 福 扶 犁
玄 泰 布 衲
克 符 紙 衣

Cửu Phong duệ bãi
Bảo Phúc phù lê
Huyền Thái bố nạp
Khắc Phù chỉ y
53. 九 峰 拽 擺 - Cửu Phong nắm dây mũi
54. 保 福 扶 犁 - Bảo Phúc đáp kéo cày
55. 玄 泰 布 納 - Huyền Thái mặc áo vải
56. 克 符 紙 衣 - Khắc Phù mang áo giấy

庵 主 不 顧
良 遂 盡 知
常 侍 擲 筆
太 傅 過 泥
Am chủ bất cố

Lương Toại tận tri
Thường thị trịch bút
Thái phó quá nê
57. 庵 主 不 顧 - Am chủ chẳng đoái tới
58. 良 遂 盡 知 - Lương Toại biết đến cùng
59. 常 侍 擲 筆 - Thường Thị ném cây viết
60. 太 傅 過 泥 - Thái Phó thế đưa bùn

于 頓 失 色
李 勃 懷 疑
石 鞏 張 弓
禾 山 打 鼓
Vu Địch thất sắc
Lí Bột hoài nghi

Thạch Củng trương cung
Hòa Sơn đả cổ
61. 于 頓 失 色 - Vu Địch giận tái mặt
62. 李 勃 懷 疑 - Lí Bột nghi trong lòng
63. 石 鞏 張 弓 - Thạch Củng thường giương cung
64. 禾 山 打 鼓 - Hòa Sơn biết đánh trống

歸 宗 拽 石
木 平 般土
宣 鑒 斫 牌
白 雲 搖 艫
Qui Tông duệ thạch
Mộc Bình ban thổ
Tuyên Giám chước bài
Bạch Vân diêu lô

65. 歸 宗 拽 石 - Qui Tông hỏi khuân đá
66. 木 平 般 土 - Mộc Bình gánh đất liền
67. 宣 鑑 斫 牌 - Tuyên Giám thế chẻ bảng
68. 白 雲 搖 艫 - Bạch Vân đẩy mũi thuyền

道 吾 起 拜
迦 葉 作 舞
涌 泉 騎 牛
牧 庵 跨 虎
Đạo Ngô khởi bái
Ca-diếp tác vũ
Dũng Tuyền kị ngưu
Mục Am khóa hổ
69. 道 吾 起 拜 - Sư Đạo Ngô đứng xá

70. 迦 葉 作 舞 - Ngài Ca-diếp múa vũ
71. 涌 泉 騎 牛 - Sư Dũng Tuyền cưỡi trâu
72. 牧 庵 跨 虎 - Sư Mục Am khiển cọp

徑 山 蟭 螟
地 藏 鸚 鵡
石 霜 侍 師
慈 覺 養 母
Kính Sơn tiêu minh
Địa Tạng anh vũ
Thạch Sương thị sư
Từ Giác dưỡng mẫu
73. 徑 山 蟭 螟 - Kính Sơn đáp trùng nhỏ
74. 地 藏 鸚 鵡 - Địa Tạng hỏi con vẹt
75. 石 霜 侍 師 - Thạch Sương hầu hạ

thầy
76. 慈 覺 養 母 - Từ Giác nuôi dưỡng mẹ

谷 泉 配 役
長 興 遭 虜
宣 老 為 男
信 公 作 女
Cốc Tuyền phối dịch
Trường Hưng tao lỗ
Tuyên lão vi nam
Tín công tác nữ
77. 谷 泉 配 役 - Cốc Tuyền bị đày ải
78. 長 興 遭 虜 - Trường Hưng đáp bị cướp
79. 宣 老 為 男 - Thầy Tuyên làm con trai
80. 信 公 作 女 - Ông Tín làm con gái

四 賢 問 道
三 佛 下 語
真 際 庭 柏
守 初 麻 斤
Tứ hiền vấn đạo
Tam Phật hạ ngữ
Chân Tế đình bách
Thủ Sơ ma cân
81. 四 賢 問 道 - Bốn vị quan hỏi đạo
82. 三 佛 下 語 - Ba họ Phật trình bày
83. 真 際 庭 柏 - Chân Tế bách trước sân
84. 守 初 麻 斤 - Thủ Sơ ba cân gai

浮 石 鬻 卜
王 老 賣 身
香 嚴 原 夢

普 化 描 真
Phù Thạch dục bốc
Vương lão mại thân
Hương Nghiêm nguyên mộng
Phổ Hóa miêu chân
85. 浮 石 鬻 卜 - Phù Thạch rao xem bói
86. 王 老 賣 身 - Thầy Vương rao bán thân
87. 香 嚴 原 夢 - Hương Nghiêm lặp lại mộng
88. 普 化 描 真 - Phổ Hóa vẽ chân dung

婆 子 偷 笋
行 者 施 銀
莊 宗 得 寶
船 子 得 鱗

Bà tử thâu duẫn
Hành giả thí ngân
Trang Tông đắc bảo
Thuyền Tử đắc lân
89. 婆 子 偷 笋 - Bà già ăn trộm măng
90. 行 者 施 銀 - Hành giả cho bạc tăng
91. 莊 宗 得 寶 - Trang Tông được ngọc quí
92. 船 子 得 鱗 - Thuyền Tử được cá vàng

趙 州 狗 子
臨 濟 真 人
華 林 二 虎
青 原 一 麟
Triệu Châu cẩu tử
Lâm Tế chân nhân

Hoa Lâm nhị hổ
Thanh Nguyên nhất lân
93. 趙 州 狗 子 - Triệu Châu nói con chó
94. 臨 濟 真 人 - Lâm Tế chỉ chân nhân
95. 華 林 二 虎 - Hoa Lâm hai con cọp
96. 青 原 一 麟 - Thanh Nguyên một con lân

道 吾 裝 鬼
拾 得 呵 神
大 覺 潑 水
興 教 墮 薪
Đạo Ngô trang quỉ
Thập Đắc ha thần
Đại Giác bát thủy
Hưng Giáo đọa tân

97. 道 吾 裝 鬼 - Đạo Ngô giả làm quỉ
98. 拾 得 呵 神 - Thập Đắc quở mắng thần
99. 大 覺 潑 水 - Đại Giác hắt nước, tỉnh
100. 興 教 墮 薪 - Hưng Giáo bửa củi, thân

1. 釋 迦 七 步 — Thích-ca đi bảy bước

Thế Tôn giáng sinh một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, đi quanh bảy bước, mắt nhìn bốn phương nói:

— Trên trời dưới đất, chỉ có Ta là tôn quí.

· Khi Phật vừa đản sinh vào Vương cung của vua Tịnh Phạn, ngài phóng

ánh sáng Đại trí chiếu khắp mười phương thế giới; nơi mặt đất vọt lên các đóa sen vàng nâng đỡ hai chân của Phật. Ngài đi về Đông, Tây, Nam, Bắc, mỗi hướng bảy bước, tay chỉ trời, tay chỉ đất, rống lên tiếng của loài sư tử: Mười phương đều tôn quí Ta! (Theo: Kinh Phổ diệu.)

2. 達 磨 九 年 — Đạt-ma ngồi chín năm

Sơ Tổ ở chùa Thiếu Lâm trên non Tung Sơn, ngồi xoay mặt vào vách chín năm, lúc bấy giờ mọi người đều chẳng lường được, gọi ngài là ông Bà-la-môn ngó vách.

· Ngài từ nước Lương qua nước Ngụy, đến Lạc Dương, ở chùa Thiếu

Lâm ngồi xoay mặt vào vách chín năm rồi mới truyền cho Nhị Tổ. (Theo: Truyền đăng, quyển 3.)

3. 靈 山 密 付 — Linh Sơn thầm trao pháp

Thế Tôn ở trên hội Linh Sơn, giơ cành hoa thị chúng. Lúc ấy, đại chúng đều im lặng, chỉ có tôn giả Ca-diếp rạng mặt mỉm cười. Thế Tôn nói:

— Ta có Chính pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, chẳng lập văn tự, truyền ngoài giáo điển phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp.

Thế Tôn sai Tôn giả Ca-diếp đến trước tháp Đa Tử phân tòa rồi bảo Ma-ha Ca-

diếp ngồi, kế đó lấy y Tăng-già-lê đắp cho ngài, Thế tôn bảo:

— Ta đem Chính pháp nhãn tạng thầm trao cho ông, ông phải hộ trì và truyền lại cho đời sau. (Theo: Hội nguyên, quyển 1.)

4. 少 室 單 傳 — Thiếu Thất chỉ truyền tâm

Buổi ban đầu, chư Tổ truyền pháp, ngoài Thiền ra còn dùng cả giáo thừa của Tam tạng kinh điển. Về sau, Tổ sư Đạt-ma chỉ truyền tâm ấn, phá chấp hiển bày Thiền tông, nên nói truyền ngoài giáo điển, chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, thấy tính thành Phật.

· Bổ túc thêm: Tổ Đạt-ma ở chùa Thiếu Lâm bảo ngài Huệ Khả: »Xưa

kia Như Lai đem Chính pháp nhãn tạng trao cho ngài Ca-diếp rồi truyền dần đến Ta, nay Ta trao cho ông«. (Theo: Truyền đăng, quyển 3.)

---o0o---

101 - 202

三 師 行 說
二 老 疎 親
文 殊 白 槌
百 丈 捲 席
Tam sư hành thuyết
Nhị lão sơ thân
Văn-thù bạch chùy
Bách Trượng quyển tịch
101. 三 師 行 說 - Ba sư dạy làm nói
102. 二 老 疎 親 - Hai lão bàn thân sơ

103. 文 殊 白 槌 - Văn-thù đánh chuông, bạch
104. 百 丈 捲 席 - Bách Trượng cuốn chiếu vô

大 達 妄 想
洛 瓠 消 息
藥 山 曲 調
青 原 階 級
Đại Đạt vọng tưởng
Lạc Phũu tiêu tức
Dược Sơn khúc điệu
Thanh Nguyên giai cấp
105. 大 達 妄 想 - Đại Đạt đáp vọng tưởng
106. 洛 瓠 消 息 - Lạc Phũu nói tin tức
107. 藥 山 曲 調 - Dược Sơn nói làn điệu

108. 青 原 階 級 - Thanh Nguyên đáp giai cấp

夾 山 揮 劍
隱 峰 飛 錫
洞 山 寒 暑
谷 山 聲 色
Giáp Sơn huy kiếm
Ẩn Phong phi tích
Động Sơn hàn thử
Cốc Sơn thanh sắc
109. 夾 山 揮 劍 - Giáp Sơn đáp múa kiếm
110. 隱 峰 飛 錫 - Ẩn Phong ném gậy sắt
111. 洞 山 寒 暑 - Động Sơn đáp lạnh nóng

112. 谷 山 聲 色 - Cốc Sơn hỏi thanh sắc

元 祐 迴 牒
鹿 門 辭 勅
華 亭 藏 身
雲 門 聞 頍
Nguyên Hựu hồi điệp
Lộc Môn từ sắc
Hoa Đình tàng thân
Vân Môn văn át
113. 元 祐 迴 牒 - Nguyên Hựu đáp giấy mời
114. 鹿 門 辭 勅 - Lộc Môn trả sắc phong
115. 華 亭 藏 身 - Ẩn thân, Hoa Đình dạy

116. 雲 門 聞 嬪 - Vân Môn nghe (tiếng) thở thông

北 禪 烹 牛
三 角 喝 賊
保 寧 摑 口
洪 英 搯 膝
Bắc Thiền phanh ngưu
Tam Giác hát tặc
Bảo Ninh quặc khẩu
Hồng Anh thao tất
117. 北 禪 烹 牛 - Bắc Thiền hầm nấu trâu
118. 三 角 喝 賊 - Tam Giác hét giặc rồi
119. 保 寧 摑 口 - Bảo Ninh tự vả miệng

120. 洪 英 搯 膝 - Hồng Anh vò đầu gối

恭 語 不 灰
玄 言 上 石
滿 號 銀 山
秀 名 鐵 壁
Cung ngữ bất khôi
Huyền ngôn thượng thạch
Mãn hiệu Ngân Sơn
Tú danh Thiết Bích
121. 恭 語 不 灰 - Chữ của Cung chẳng cháy
122. 玄 言 上 石 - Lời của Huyền trên đá
123. 滿 號 銀 山 - Mãn hiệu là Ngân Sơn

124. 秀 名 鐵 壁 - Tú có tên Thiết Bích

龍 牙 禪 板
長 慶 蒲 團
盤 山 肉 案
蜆 子 臺 盤
Long Nha thiền bản
Trường Khánh bồ đoàn
Bàn Sơn nhục án
Hiện Tử đài bàn
125. 龍 牙 禪 板 - Long Nha một thiền bản
126. 長 慶 蒲 團 - Trường Khánh bảy bồ đoàn
127. 盤 山 肉 案 - Bàn Sơn với thớt thịt

128. 蜆 子 臺 盤 - Hiện Tử rượu một bàn

巴 陵 銀 椀
雲巖 寶冠
荊 門 犢 鼻
疎 山 布 單
Ba Lăng ngân oản
Vân Nham bảo quan
Kinh Môn độc tỉ
Sơ Sơn bố đan
129. 巴 陵 銀 椀 - Ba Lăng nói chén bạc
130. 雲 巖 寶 冠 - Vân Nham đáp mũ báu
131. 荊 門 犢 鼻 - Kinh Môn cắt khố vải
132. 疎 山 布 單 - Sơ Sơn bán ghế bố

芭 蕉 拄 杖
資 福 剎 竿
祿 清 紅 莧
惠 稜 牡 丹
Ba Tiêu trụ trượng
Tư Phúc sát can
Lộc Thanh hồng hiện
Huệ Lăng mẫu đơn
133. 芭 蕉 拄 杖 - Ba Tiêu cây gậy gỗ
134. 資 福 剎 竿 - Tư Phúc cây cột phướn
135. 祿 清 紅 莧 - Lộc Thanh rau dền đỏ
136. 惠 稜 牡 丹 - Huệ Lăng đóa mẫu đơn

南 泉 翫 月
保 福 遊 山

寶 林 冷 笑
韶 陽 熱 謾
Nam Tuyền ngoạn nguyệt
Bảo Phúc du san
Bảo Lâm lãnh tiếu
Thiều Dương nhiệt man
137. 南 泉 翫 月 - Nam Tuyền thưởng thức trăng
138. 保 福 遊 山 - Bảo Phúc đi dạo núi
139. 寶 林 冷 笑 - Bảo Lâm hay cười nhạt
140. 韶 陽 熱 謾 - Thiều Dương ưa gạt người

乾 峰 一 路
兜 率 三 關
谷 泉 逐 遇
圓 照 戲 端

Càn Phong nhất lộ
Đâu-suất tam quan
Cốc Tuyền trục Ngộ
Viên Chiếu hí Đoan
141. 乾 峰 一 路 - Càn Phong bảo một đường
142. 兜 率 三 關 - Đâu-suất dạy ba cửa
143. 谷 泉 逐 遇 - Cốc Tuyền đuổi Ỷ Ngộ
144. 圓 照 戲 端 - Viên Chiếu đùa Tịnh Đoan

誌 公 難 邈
六 祖 難 塑
章 敬 撥 空
雲 門 抽 顧
Chí công nan mạc
Lục Tổ nan tố

Chương Kỉnh bát không
Vân Môn trừu cố
145. 誌 公 難 邈 - Khó vẽ tướng Chí Công
146. 六 祖 難 塑 - Khó đắp tượng Lục Tổ
147. 章 敬 撥 空 - Chương Kỉnh vạch hư không
148. 雲 門 抽 顧 - Vân Môn thường chiếu "cố"

悟 本 稱 奇
大 禪 叫 悟
義 存 歸 庵
老 觀 閉 戶
Ngộ Bản xưng kì
Đại Thiền khiếu ngộ
Nghĩa Tồn qui am

Lão Quán bế hộ
149. 悟 本 稱 奇 - Ngộ Bản thốt "lạ kì"
150. 大 禪 叫 悟 - Đại Thiền kêu tiếng "Ngộ"
151. 義 存 歸 庵 - Nghĩa Tồn trở về am
152. 老 觀 閉 戶 - Lão quán đóng kín cửa

上 座 觀 魚
師 伯 見 兔
明 教 薑 杏
馬 祖 鹽 醍
Thượng tọa quán ngư
Sư bá kiến thố
Minh Giáo khương hạnh
Mã Tổ diêm đề
153. 上 座 觀 魚 - Thượng tọa xem

con cá
154. 師 伯 見 兔 - Sư Bá thấy con thỏ
155. 明 教 薑 杏 - Gừng hạnh của Minh Giáo
156. 馬 祖 鹽 醍 - Tương muối của Mã Tổ

竹 林 麻 鞋
木 平 草 屨
地 藏 種 田
懶 瓚 煨 芋
Trúc Lâm ma hài
Mộc Bình thảo lũ
Địa Tạng chủng điền
Lại Toản ổi dụ
157. 竹 林 麻 鞋 - Trúc Lâm mang giầy gai
158. 木 平 草 屨 - Mộc Bình đeo dép

cỏ
159. 地 藏 種 田 - Sư Địa Tạng gieo mạ
160. 懶 瓚 煨 芋 - Sư Lại Toản nướng khoai

天 盖 浴 室
侍 者 巡 鋪
老 諗 四 門
師 備 三 句
Thiên Cái dục thất
Thị giả tuần phố
Lão Thẩm tứ môn
Sư Bị tam cú
161. 天 蓋 浴 室 - Thiên Cái chùi rửa nhà
162. 侍 者 巡 鋪 - Thị giả dạo phố xá
163. 老 諗 四 門 - Lão Thẩm đáp bốn

cửa
164. 師 備 三 句 - Sư Bị nói ba câu

彥 從 不 會
法 遠 不 去
道 吾 舞 笏
秘 魔 擎 杈
Ngạn Tùng bất hội
Pháp Viễn bất khứ
Đạo Ngô vũ hốt
Bí Ma kình xoa
165. 彥 從 不 會 - Sư Ngạn Tùng chẳng hội
166. 法 遠 不 去 - Sư Pháp Viễn không đi
167. 道 吾 舞 笏 - Đạo Ngô múa cái hốt

168. 秘 魔 擎 杈 - Bí Ma nhấc nạng cây

雲 巖 摸 枕
南 泉 指 花
曹 山 白 酒
真 際 清 茶
Vân Nham mạc chẩm
Nam Tuyền chỉ hoa
Tào Sơn bạch tửu
Chân Tế thanh trà
169. 雲 巖 摸 枕 - Vân Nham mò chiếc gối
170. 南 泉 指 花 - Nam Tuyền chỉ đóa hoa
171. 曹 山 白 酒 - Tào Sơn trách nhắm rượu

172. 真 際 清 茶 - Chân Tế ép uống trà

玄 泉 皂 角
洞 山 苧 麻
祐 禪 拈 柿
從 展 度 瓜
Huyền Tuyền tạo giác
Động Sơn trữ ma
Hựu Thiền niêm thị
Tùng Triển độ qua
173. 玄 泉 皂 角 - Huyền Tuyền cây bồ kết
174. 洞 山 苧 麻 - Động Sơn cây cỏ gai
175. 祐 禪 拈 柿 - Thiền sư Hựu lượm hồng

176. 從 展 度 瓜 - Tùng Triển cho dưa xong

道 師 金 鎖
象 骨 鐵 枷
祖 心 叱 狗
靈 祐 餵 鵐
Đạo Sư kim tỏa
Tượng Cốt thiết già
Tổ Tâm sất cẩu
Linh Hựu ủy nha

177. 道 師 金 鎖 - Khóa vàng của Đạo sư

178. 象 骨 銕 枷 - Gông sắt của Tượng Cốt

179. 祖 心 叱 狗 - Tổ Tâm quát đánh chó

180. 靈 祐 餵 鵸 - Linh Hựu nuôi con quạ

元 珪 放 戒
竈 墮 翻 邪
玄 沙 指 虎
歸 宗 斬 蛇
古 德 火 抄
靈 樹 風 車
Nguyên Khuê phóng giới
Táo Đọa phiên tà
Huyền Sa chỉ hổ
Quy Tông trảm xà
Cổ Đức hỏa sao
Linh Thụ phong xa
181. 元 珪 放 戒 - Nguyên Khuê ban truyền giới
182. 竈 墮 翻 邪 - Táo Đọa lật tà xong

183. 玄 沙 指 虎 - Huyền Sa chỉ con cọp
184. 歸 宗 斬 蛇 - Chém rắn chính Qui Tông
185. 古 德 火 抄 - Cổ Đức sao năm lửa
186. 靈 樹 風 車 - Linh Thụ chiếc chong chóng

能 仁 雙 趺
達 磨 隻 履
盧 能 賣 薪
懶 融 負 米
Năng Nhân song phu
Đạt-ma chích lí
Lư Năng mại tân
Lại Dung phụ mễ
187. 能 仁 雙 趺 - Thích-ca duỗi hai chân

188. 達 磨 隻 履 - Đạt-ma quải chiếc dép
189. 盧 能 賣 薪 - Bán củi chính Lư Năng
190. 懶 融 負 米 - Lại Dung gánh gạo nếp

黃 蘗 吐 舌
丹 霞 掩 耳
龍 牙 行 拳
俱 胝 豎 指
Hoàng Bá thổ thiệt
Đan Hà yểm nhó
Long Nha hành quyền
Câu Chi thụ chỉ
191. 黃 蘗 吐 舌 - Hoàng Bá Vận le lưỡi
192. 丹 霞 掩 耳 - Đan Hà nhiên bịt tai

193. 龍 牙 行 拳 - Long Nha nói đánh quyền
194. 俱 胝 豎 指 - Câu Chi giơ ngón tay

提 婆 赤 幡
玄 沙 白 紙
茂 源 掩 鼻
石 霜 咬 齒
Đề-bà xích phan
Huyền Sa bạch chỉ
Mậu Nguyên yểm tỉ
Thạch Sương giảo xỉ
195. 提 婆 赤 幡 - Đề-bà cây cờ đỏ
196. 玄 沙 白 紙 - Huyền Sa thư giấy trắng
197. 茂 源 掩 鼻 - Sư Mậu Nguyên bịt mũi

198. 石 霜 咬 齒 - Ngài Thạch Sương cắn răng

汾 陽 六 人
洞 山 三 子
招 慶 煎 茶
雲 巖 拂 地
Phần Dương lục nhân
Động Sơn tam tử
Chiêu Khánh tiên trà
Vân Nham phất địa
199. 汾 陽 六 人 - Phần Dương có sáu người
200. 洞 山 三 子 - Động Sơn nói ba gã
201. 招 慶 煎 茶 - Sư Chiêu Khánh pha trà
202. 雲 巖 拂 地 - Sư Vân Nham quét

đất

---o0o---

203 - 302

禪 鑒 符 讖
青 州 應 記
首 山 綱 要
明 安 宗 旨
Thiền Giám phù sấm
Thanh Châu ứng kí
Thủ Sơn cương yếu
Minh An tông chỉ
203. 禪 鑑 符 讖 - Thiền Giám phù hợp sấm
204. 青 州 應 記 - Thanh Châu ứng huyền kí
205. 首 山 綱 要 - Thủ Sơn kệ cương

yếu
206. 明 安 宗 旨 - Minh An định tông chỉ

法 華 赴 齋
德 普 預 祀
長 沙 猛 虎
百 丈 野 狐
Pháp Hoa phó trai
Đức Phổ dự tự
Trường Sa mãnh hổ
Bách Trượng dã hồ
207. 法 華 赴 齋 - Pháp Hoa dự trai tăng
208. 德 普 預 祀 - Đức Phổ bày tế trước
209. 長 沙 猛 虎 - Trường Sa hiệu cọp dữ

210. 百 丈 野 狐 - Bách Trượng với chồn hoang

汾 陽 師 子
江 西 馬 駒
紫 胡 獰 狗
三 聖 瞎 驢
Phần Dương sư tử
Giang Tây mã câu
Tử Hồ nanh cẩu
Tam Thánh hạt lư
211. 汾 陽 師 子 - Phần Dương con sư tử
212. 江 西 馬 駒 - Giang Tây con ngựa tơ
213. 紫 胡 獰 狗 - Tử Hồ con chó dữ
214. 三 聖 瞎 驢 - Tam Thánh con lừa mù

懶 安 白 牯
佛 嚚 花 奴
南 山 鼈 鼻
東 海 鯉 魚
Lại An bạch cổ
Phật Úc hoa nô
Nam Sơn miết tỉ
Đông Hải lí ngư
215. 懶 安 白 牯 - Lại An con trâu trắng
216. 佛 嚚 花 奴 - Phật Úc con mèo nhà
217. 南 山 鼈 鼻 - Núi Nam con ba ba
218. 東 海 鯉 魚 - Biển Đông con cá chép

國 師 塔 樣
資 福 韄 模

鹽 官 索 扇
仰 嶠 呈 珠
Quốc sư tháp dạng
Tư Phúc vạt mô
Diêm Quan sách phiến
Ngưỡng Kiệu trình châu
219. 國 師 塔 樣 - Quốc sư ra kiểu tháp
220. 資 福 韈 模 - Tư Phúc tặng mẫu vớ
221. 鹽 官 索 扇 - Diêm Quan tìm chiếc quạt
222. 仰 嶠 呈 珠 - Ngưỡng Kiệu trình hạt châu

長 慶 淘 金
伏 牛下 書
惠 然 透 網

希 運 捋 鬚
Trường Khánh đào kim
Phục Ngưu hạ thư
Huệ Nhiên thấu võng
Hy Vận loát tu
223. 長 慶 淘 金 - Trường Khánh đãi lấy vàng
224. 伏 牛 下 書 - Phục Ngưu mang thư nộp
225. 惠 然 透 網 - Huệ Nhiên thoát khỏi lưới
226. 希 運 捋 鬚 - Hi Vận vuốt râu cọp

傳 明 散 眾
慈 受 棄 徒
三 峰 玉 琯
大 哥 金 鋤

Truyền Minh tán chúng
Từ Thụ khí đồ
Tam Phong ngọc quản
Đại Ca kim sừ
227. 傳 明 散 眾 - Truyền Minh giải tán chúng
228. 慈 受 棄 徒 - Từ Thụ bỏ chúng hoang
229. 三 峰 玉 琯 - Tam Phong ống sáo ngọc
230. 大 哥 金 鋤 - Đại Ca cây cuốc vàng

德 山 行 棒
臨 濟 下 喝
趙 州 布 衫
普 化 直 裰
Đức Sơn hành bổng

Lâm Tế hạ hát
Triệu Châu bố sam
Phổ Hóa trực xuyết
231. 德 山 行 棒 - Đức Sơn đánh bằng gậy
232. 臨 濟 下 喝 - Lâm Tế dùng tiếng hét
233. 趙 州 布 衫 - Áo vải của Triệu Châu
234. 普 化 直 裰 - Áo tràng của Phổ Hóa

佛 日 茶 藍
道 者 酒 榼
香 林 一 燈
賢 女 三 物
Phật Nhật trà lam
Đạo giả tửu kháp

Hương Lâm nhất đăng
Hiền nữ tam vật
235. 佛 日 茶 藍 - Phật Nhật giỏ đựng trà
236. 道 者 酒 榼 - Đạo giả, cái cốc rượu
237. 香 林 一 燈 - Hương Lâm một ngọn đèn
238. 賢 女 三 物 - Hiền nữ ba món vật

石 頭 碌 磚
雲 門 屎 橛
二 僧 卷 簾
三 老 翫 月
Thạch Đầu lục chuyên
Vân Môn thỉ quyết
Nhị tăng quyển liêm
Tam lão ngoạn nguyệt

239. 石 頭 碌 磚 - Thạch Đầu tảng đá to
240. 雲 門 屎 橛 - Vân Môn que chùi phân
241. 二 僧 卷 簾 - Hai tăng cuốn tấm rèm
242. 三 老 翫 月 - Ba lão đi ngắm trăng

惠 滿 二 針
古 德 三 韄
演 師 禮 字
行 者 唾 佛
Huệ Mãn nhị châm
Cổ Đức tam vát
Diễn sư lễ tự
Hành giả thóa Phật
243. 惠 滿 二 針 - Huệ Mãn hai cây

kim
244. 古 德 三 韈 - Cổ Đức ba lạt tre
245. 演 師 禮 字 - Thầy Diễn lạy chữ (trong) kinh
246. 行 者 唾 佛 - Hành giả nhổ nhằm Phật

東 坡 解 帶
裴 休 納 笏
舜 老 民 衣
芙 蓉 束 髮
Đông Pha giải đái
Bùi Hưu nạp hốt
Thuấn lão dân y
Phù Dung thúc phát
247. 東 坡 解 帶 - Đông Pha cởi ngọc đái
248. 裴 休 納 笏 - Bùi Hưu dâng nạp

hốt
249. 舜 老 民 衣 - Thuấn lão mặc áo dân
250. 芙 蓉 束 髮 - Phù Dung để búi tóc

思 大 吞 佛
大 士 講 經
老 盧 幡 動
僧 伽 鈴 鳴
Tư Đại thôn Phật
Đại sĩ giảng kinh
Lão Lư phan động
Tăng già linh minh
251. 思 大 吞 佛 - Tư Đại bảo nuốt Phật
252. 大 士 講 經 - Phó Đại sĩ giảng kinh

253. 老 盧 幡 動 - Lão Lư bàn phướn động
254. 僧 伽 鈴 鳴 - Tăng già luận tiếng linh

麻 谷 振 錫
普 化 搖 鈴
隱 山 晦 跡
洞 山 除 名
Ma Cốc chấn tích
Phổ Hóa diêu linh
Ẩn Sơn hối tích
Động Sơn trừ danh
255. 麻 谷 振 錫 - Ma Cốc dộng tích trượng
256. 普 化 搖 鈴 - Phổ Hóa hay rung linh
257. 隱 山 晦 跡 - Ẩn Sơn dấu tung

tích
258. 洞 山 除 名 - Động Sơn hỏi xóa tên

盧 陵 米 價
偃 溪 水 聲
大 士 側 坐
道 者 橫 行
Lô Lăng mễ giá
Yển Khê thủy thinh
Đại sĩ trắc tọa
Đạo giả hoành hành
259. 盧 陵 米 價 - Giá gạo ở Lô Lăng
260. 偃 溪 水 聲 - Tiếng nước Yển Khê vang
261. 大 士 側 坐 - Đại sĩ ngồi nghiêng lệch

262. 道 者 橫 行 - Đạo giả giỏi dọc ngang

智 巖 懸 囊
惠 忠 掛 鐺
佛 日 豆 爆
典 座 蟲 生
Trí Nham huyền nang
Huệ Trung quải đang
Phật Nhật đậu bộc
Điển tọa trùng sinh

263. 智 巖 玄 囊 - Trí nham đeo đãy lọc

264. 惠 中 掛 鐺 - Huệ Trung quải nồi niêu

265. 佛 日 豆 爆 - Phật Nhật hạt đậu nổ

266. 典 座 蟲 生 - Điển tọa gạo sinh sâu

惠 可 了 了
瑞 巖 惺 惺
慈 道 罐 破
文 悅 盆 傾
Huệ Khả liễu liễu
Thụy Nham tinh tinh
Từ Đạo quán phá
Văn Duyệt bồn khuynh
267. 惠 可 了 了 - Huệ Khả biết rõ ràng
268. 瑞 巖 惺 惺 - Thụy Nham nói tỉnh luôn
269. 慈 道 罐 破 - Từ Đạo chiếc lọ bể
270. 文 悅 盆 傾 - Văn Duyệt cái thùng nghiêng

宮 人 千 眾
惠 安 單 丁
清 涼 十 願
達 磨 四 行
Cung Nhân thiên chúng
Huệ An đơn đinh
Thanh Lương thập nguyện
Đạt-ma tứ hạnh
271. 宮 人 千 眾 - Cung Nhân có ngàn chúng
272. 惠 安 單 丁 - Huệ An chỉ một người
273. 清 涼 十 願 - Thanh Lương lập mười nguyện
274. 達 磨 四 行 - Bốn hạnh của Đạt-ma

長 髭 功 德
黃 梅 佛 性
善 財 採 藥
大 慈 識 病
Trường Tư công đức
Hoàng Mai Phật tính
Thiện Tài thái dược
Đại Từ thức bệnh
275. 長 髭 功 德 - Trường Tư đáp công đức
276. 黃 梅 佛 性 - Hoàng Mai hỏi Phật tính
277. 善 財 採 藥 - Thiện Tài đi hái thuốc
278. 大 慈 識 病 - Đại Từ biết trị bệnh

馬 祖 展 足
大 覺 引 頸

靈 祐 踢 瓶
寂 子 撲 鏡
Mã Tổ triển túc
Đại Giác dẫn cảnh
Linh Hựu thích bình
Tịch Tử phác kính
279. 馬 祖 展 足 - Mã Tổ duỗi chân ngang
280. 大 覺 引 頸 - Đại Giác dẫn cảnh
281. 靈 祐 踢 瓶 - Linh Hựu đá ngã bình
282. 寂 子 撲 鏡 - Ông Tịch đập bể kính

悟 本 鑊 頭
烏 臼 杓 柄
良 禪 破 關
女 子 出 定

Ngộ Bản quắc đầu
Ô Cữu tiêu bính
Lương Thiền phá quan
Nữ tử xuất định
283. 悟 本 钁 頭 - Ngộ Bản với cây cuốc
284. 烏 臼 杓 柄 - Ô Cữu cán gậy oan
285. 良 禪 破 關 - Lương Thiền thấu qua cổng
286. 女 子 出 定 - Cô gái xuất định xong

曇 照 叫 苦
亡 僧 索 命
大 容 林 蟬
古 德 爛 杏
Đàm Chiếu khiếu khổ
Vong tăng sách mạng

Đại Dung lâm thiền
Cổ Đức lạn hạnh
287. 曇 照 叫 苦 - Đàm Chiếu kêu khổ khổ
288. 亡 僧 索 命 - Mất tăng bị đòi mạng
289. 大 容 林 蟬 - Đại Dung con ve rừng
290. 古 德 爛 杏 - Cổ Đức trái hạnh thối

翠 巖 把 梢
風 穴 據 令
石 鞏 趁 鹿
南 泉 斬 貓
Thúy Nham bả tiêu
Phong Huyệt cứ lệnh
Thạch Củng sấn lộc

Nam Tuyền trảm miêu
291. 翠 巖 把 梢 - Thúy Nham cầm lái thuyền
292. 風 穴 據 令 - Phong Huyệt nắm giữ lệnh
293. 石 鞏 趁 鹿 - Thạch Củng đuổi nai gấp
294. 南 泉 斬 貓 - Chém mèo chính Nam Tuyền

祇 林 揮 劍
藥 嶠 抽 刀
實 際 頂 笠
惠 圓 腰 包
Kỳ Lâm huy kiếm
Dược Kiệu trừu đao
Thật Tế đỉnh lạp
Huệ Viên yêu bao

295. 祇 林 揮 劍 - Sư Kì Lâm múa kiếm
296. 藥 嶠 抽 刀 - Sư Dược Kiệu rút dao
297. 實 際 頂 笠 - Thật Tế chiếc nón lá
298. 惠 圓 腰 包 - Huệ Viên cái hầu bao (ruột tượng)

上 座 鼻 孔
翠 巖 眉 毛
杉 山 拈 尺
義 存 斫 槽
Thượng tọa tỉ khổng
Thúy Nham mi mao
Sam Sơn niêm xích
Nghĩa Tồn chước tào
299. 上 座 鼻 孔 - Lỗ mũi của Thượng tọa

300. 翠 巖 眉 毛 - Lông mày của Thúy Nham
301. 杉 山 拈 尺 - Sam Sơn giơ cây thước
302. 義 存 斫 槽 - Nghĩa Tồn đẽo máng ăn

---o0o---

303 - 402

座 主 鬼 窟
夾 嶺 鳳 巢
泐 潭 苦 瓜
香 林 甜 桃
Tọa chủ quỉ quật
Giáp Lĩnh phượng sào
Lặc Đàm khổ qua
Hương Lâm điềm đào

303. 座 主 鬼 窟 - Tọa chủ ngồi hang quỉ
304. 夾 嶺 鳳 巢 - Giáp Lĩnh nói ổ phượng
305. 泐 潭 苦 瓜 - Lặc Đàm trái dưa đắng
306. 香 林 甜 桃 - Hương Lâm trái đào ngọt

義 玄 拄 钁
惠 寂 插 鍬
靈 源 真 告
玄 泰 山 謠
Nghĩa Huyền trụ quắc
Huệ Tịch sáp thu
Linh Nguyên chân cáo
Huyền Thái sơn dao
307. 義 玄 拄 钁 - Nghĩa Huyền chống

cây cuốc
308. 惠 寂 插 鍬 - Huệ Tịch cắm chiếc dá
309. 靈 源 真 告 - Linh Nguyên bài chân cáo
310. 玄 泰 山 謠 - Huyền Thái khúc Sơn dao

紹 銑 設 舘
福 國 戕 橋
六 祖 負 金
神 光 償 債
Thiệu Tiển thiết quán
Phúc Quốc tường kiều
Lục Tổ phụ kim
Thần Quang thường trái
311. 紹 銑 設 舘 - Thiệu Tiển lập quán hàng

312. 福 國 戕 橋 - Phúc Quốc chặt phá cầu
313. 六 祖 負 金 - Thiếu vàng là Lục Tổ
314. 神 光 償 債 - Đền nợ chính Thần Quang

洛 浦 投 師
沙 彌 求 戒
蔣 山 三 障
華 藏 四 碍
Lạc Phố đầu sư
Sa-di cầu giới
Tưởng Sơn tam chướng
Hoa Tạng tứ ngại
315. 洛 浦 投 師 - Lạc Phố tin phục thầy
316. 沙 彌 求 戒 - Sa-di xin thụ giới

317. 蔣 山 三 障 - Tưởng Sơn ba thứ chướng
318. 華 藏 四 碍 - Hoa Tạng bốn điều ngại

鎮 州 蘿 蔔
普 化 生 菜
永 嘉 一 宿
雲 盖 半 載
Trấn Châu la bặc
Phổ Hóa sinh thái
Vĩnh Gia nhất túc
Vân Cái bán tải
319. 鎮 州 蘿 蔔 - Trấn Châu có củ cải
320. 普 化 生 菜 - Phổ Hóa ăn rau sống
321. 永 嘉 一 宿 - Vĩnh Gia trọ một đêm

322. 雲 盖 半 載 - Nửa năm của Vân Cái

王 嶽 四 玄
滆 仰 三 昧
桐 峰 虎 聲
投 子 牛 在
Vương Nhạc tứ huyền
Quy Ngưỡng tam-muội
Đồng Phong hổ thinh
Đầu Tử ngưu tại
323. 王 嶽 四 玄 - Vương Nhạc bảo tứ huyền
324. 滆 仰 三 昧 - Qui Ngưỡng nói tam-muội
325. 桐 峰 虎 聲 - Đồng Phong giả tiếng cọp

326. 投 子 牛 在 - Đầu Tử: Trâu đây rồi!

鏡 清 失 利
趙 州 下 載
歸 宗 插 標
興 化 擲 枴
Cảnh Thanh thất lợi
Triệu Châu hạ tải
Quy Tông sáp tiêu
Hưng Hóa trịch quải
327. 鏡 清 失 利 - Cảnh Thanh không thành công
328. 趙 州 下 載 - Triệu Châu nói năm sau
329. 歸 宗 插 標 - Qui Tông cắm cây cọc

330. 興 化 擲 枴 - Hưng Hóa ném nạng, xong

清 豁 歸 山
性 空 沒 海
黃 龍 三 關
浮 山 九 帶
Thanh Khoát quy sơn
Tính Không một hải
Hoàng Long tam quan
Phù Sơn cửu đái

331. 清 豁 歸 山 - Thanh Khoát trở về núi

332. 性 空 沒 海 - Tính Không chìm xuống biển

333. 黃 龍 三 關 - Hoàng Long ba cửa ải

334. 浮 山 九 帶 - Phù Sơn chín bộ môn

青 州 正 座
普 明 不 拜
仁 儉 短 偈
永 嘉 長 歌
Thanh Châu chính tọa
Phổ Minh bất bái
Nhân Kiệm đoản kệ
Vĩnh Gia trường ca
335. 青 州 正 座 - Thanh Châu đúng là Thượng tọa
336. 普 明 不 拜 - Phổ Minh chẳng phải lạy
337. 仁 儉 短 偈 - Nhân kiệm bài kệ ngắn

338. 永 嘉 長 歌 - Vĩnh Gia khúc ca dài

老 龐 及 第
慶 諸 登 科
陳 操 驗 僧
真 際 勘 婆
Lão Bàng cập đệ
Khánh Chư đăng khoa
Trần Tháo nghiệm tăng
Chân Tế khám bà

339. 老 龐 及 第 - Lão Bàng thơ đỗ đạt

340. 慶 諸 登 科 - Khánh Chư nói thi đỗ

341. 陳 操 驗 僧 - Trần Tháo kiểm nghiệm tăng

342. 真 際 勘 婆 - Chân Tế khám phá bà

道 士 背 坐
踈 山 倒 屙
義 存 漆 桶
師 備 飯 蘿
Đạo sĩ bối tọa
Sơ Sơn đảo a
Nghĩa Tồn tất dũng
Sư Bị phạn la
343. 道 士 北 坐 - Đạo sĩ ngồi xoay lưng
344. 踈 山 倒 屙 - Sơ Sơn đi tiêu ngược
345. 義 存 漆 桶 - Nghĩa Tồn bảo thùng sơn
346. 師 備 飯 蘿 - Sư Bị nói giỏ cơm

安 國 折 筋
鹿 門 破 鍋

雲 巖 出 糞
寂 子 擔 禾
An Quốc chiết trứ
Lộc Môn phá oa
Vân Nham xuất phẩn
Tịch tử đảm hòa
347. 安 國 折 筯 - An Quốc bẻ đũa bếp
348. 鹿 門 破 鍋 - Lộc Môn đập bể nồi
349. 雲 巖 出 糞 - Vân Nham đem phân đổ
350. 寂 子 擔 禾 - Ông Tịch gánh lúa vô

雲 門 花 欄
六 亘 瓶 鵝
石 室 蹈 碓
天 目 撞 羅
Vân Môn hoa lan

Lục Cắng bình nga
Thạch Thất đạo đôi
Thiên Mục tràng la
351. 雲 門 花 欄 - Vân Môn bờ giậu hoa
352. 六 亘 瓶 鵝 - Lục Cắng ngỗng trong bình
353. 石 室 蹈 碓 - Thạch Thất đạp lên chày
354. 天 目 撞 羅 - Thiên Mục đụng vào lưới

雪 竇 按 劍
韶 山 亞 戈
古 靈 揩 背
從 諗 洗 腳
Tuyết Đậu án kiếm
Thiều Sơn á qua

Cổ Linh khải bối
Tùng Thẩm tẩy cước
355. 雪 竇 按 劍 - Tuyết Đậu cầm thanh gươm
356. 韶 山 亞 戈 - Thiều Sơn ghìm dáo đợi
357. 古 靈 揩 背 - Cổ Linh kì cọ lưng
358. 從 諗 洗 腳 - Tùng Thẩm gặp rửa chân

青 林 死 蛇
泐 潭 活 雀
玄 沙 三 病
天 平 兩 錯
Thanh Lâm tử xà
Lặc Đàm hoạt tước
Huyền Sa tam bệnh
Thiên Bình lưỡng thác

359. 青 林 死 蛇 - Thanh Lâm con rắn chết
360. 泐 潭 活 雀 - Lặc Đàm chim sẻ sống
361. 玄 沙 三 病 - Huyền Sa ba thứ bệnh
362. 天 平 兩 錯 - Thiên Bình hai chỗ lầm

滏 水 蓮 池
趙 州 略 衧
大 陽 錢 財
青 平 杓 索
Phủ Thủy liên trì
Triệu Châu lược chước
Đại Dương tiền tài
Thanh Bình chước tác
363. 滏 水 蓮 池 - Phủ Thủy cái ao sen

364. 趙 州 略 彷 - Triệu Châu cây cầu khỉ
365. 大 陽 錢 財 - Đại Dương chỉ tiền của
366. 青 平 杓 索 - Thanh Bình đáp gáo, dây

白 犬 啣 書
青 猿 洗 鉢
飲 光 坐 禪
布 袋 落 魄
Bạch khuyển hàm thư
Thanh viên tẩy bát
Ẩm Quang tọa thiền
Bố Đại lạc phách.

367. 白 犬 啣 書 - Chó cò ngặm lá thư
368. 青 猿 洗 鉢 - Vượn xanh rửa chén bát

369. 飮 光 坐 禪 - Ẩm Quang ngồi thiền mãi
370. 布 袋 落 魄 - Bố Đại đi lang thang

推 倒 回 頭
趯 翻 不 托
道 者 休 休
塔 主 莫 莫
Thôi đảo Hồi Đầu
Địch phiên Bất Thác
Đạo giả hưu hưu
Tháp chủ mạc mạc
371. 推 倒 回 頭 - Đoan xô ngã Hồi Đầu
372. 趯 翻 不 托 - Nhảy qua lưng Bất Thác
373. 道 者 休 休 - Đạo giả nói: "Thôi

thôi!"
374. 塔 主 莫 莫 - Tháp chủ bảo: "Chớ chớ!"

太 守 病 痊
君 王 臂 落
次 公 點 眼
駙 馬 索 藥
Thái thú bệnh thuyên
Quân vương tí lạc
Thứ công điểm nhãn
Phò mã sách dược.
375. 太 守 病 痊 - Thái thú được hết bệnh
376. 君 王 臂 落 - Quân vương rớt cánh tay
377. 次 公 點 眼 - Thứ công rõ thiền pháp

378. 駙 馬 索 藥 - Phò mã tìm thuốc hay

隱 峰 倒 化
領 眾 坐 亡
歸 宗 拽 杖
普 化 踢 床
Ẩn Phong đảo hóa
Lĩnh chúng tọa vong
Quy Tông duệ trượng
Phổ Hóa thích sàng
379. 隱 峰 倒 化 - Ẩn Phong lộn ngược tịch
380. 領 眾 坐 亡 - Lĩnh chúng ngồi chết an
381. 歸 宗 拽 杖 - Qui Tông kéo cây gậy
382. 普 化 踢 床 - Phổ Hóa đá cái bàn

雪 峰 過 嶺
洛 浦 還 鄉
法 遠 繡 毬
文 邃 香 囊
Tuyết Phong quá lĩnh
Lạc Phố hoàn hương
Pháp Viễn tú cầu
Văn Thúy hương nang
383. 雪 峰 過 嶺 - Tuyết Phong qua đỉnh núi
384. 洛 浦 還 鄉 - Lạc Phố về quê làng
385. 法 遠 繡 毬 - Cầu thêu của Pháp Viễn
386. 文 邃 香 囊 - Văn Thúy bảo túi nhang

鵝 湖 比 較
佛 曰 抑 揚

崇 壽 登 子
守 芝 石 幢
Nga Hồ tỉ giảo
Phật Nhật ức dương
Sùng Thọ đăng tử
Thủ Chi thạch tràng
387. 鵝 湖 比 較 - Nga Hồ hay so sánh
388. 佛 日 抑 揚 - Phật Nhật nói ức dương
389. 崇 壽 登 子 - Sùng Thọ cái tách rượu
390. 守 芝 石 幢 - Thủ Chi cây thạch tràng

羅 山 麨 飯
白 雲 蒿 湯
慈 明 詐 病
法 華 佯 狂

La Sơn siêu phạn
Bạch Vân hao thang
Từ Minh trá bệnh
Pháp Hoa dương cuồng
391. 羅 山 麨 飯 - La Sơn cơm gạo rang
392. 白 雲 蒿 湯 - Bạch Vân nấu thuốc thang
393. 慈 明 詐 病 - Từ Minh làm bộ bệnh
394. 法 華 佯 狂 - Pháp Hoa giả điên gàn

方 會 雪 屋
倚 遇 煙 房
平 終 虎 囓
僧 被 蛇 傷
Phương Hội tuyết ốc

Ỷ Ngộ yên phường
Bình chung hổ nghiết
Tăng bị xà thương
395. 方 會 雪 屋 - Phương Hội ngôi nhà tuyết
396. 倚 遇 煙 房 - Ỷ Ngộ căn phòng khói
397. 平 終 虎 嚙 - "Bình" chết do cọp xé
398. 僧 被 蛇 傷 - Ông tăng bị rắn cắn

古 紹 雲 門
青 續 大 陽
多 羅 轉 經
俱 胝 誦 咒
Cổ thiệu Vân Môn
Thanh tục Đại Dương
Đa-la chuyển kinh

Câu Chi tụng chú
399. 古 紹 雲 門 - Thừa Cổ nối Vân Môn
400. 青 續 大 陽 - Nghĩa Thanh kế Đại Dương
401. 多 羅 轉 經 - Đa-la tụng kinh sống
402. 俱 胝 誦 咒 - Câu Chi tụng chú thần

---o0o---

403 - 502

神 會 義 解
石 頭 真 吼
惟 儼 不 為
從 諗 仍 舊

Thần Hội nghĩa giải
Thạch Đầu Chân Hẩu
Duy Nghiễm bất vi
Tùng Thẩm nhưng cựu
403. 神 會 義 解 - Thần Hội lập nghĩa giải
404. 石 頭 真 吼 - Thạch Đầu hiệu Chân Hẩu
405. 惟 儼 不 為 - Duy Nghiễm đáp chẳng làm
406. 從 諗 仍 舊 - Tùng Thẩm bảo như cũ

老 讓 開 胸
道 符 縮 手
豐 干 饒 舌
憩 鶴 多 口
Lão Nhượng khai hung

Đạo Phù súc thủ
Phong Can nhiêu thiệt
Khế Hạc đa khẩu
407. 老 讓 開 胸 - Lão Nhượng banh ngực ra
408. 道 符 縮 手 - Đạo Phù rụt tay lại
409. 豐 干 饒 舌 - Phong Can nhiều chuyện quá
410. 憩 鶴 多 口 - Khế Hạc lắm mồm nha!

雲 嶽 殘 羹
泐 潭 酸 酒
谷 泉 巴 鼻
真 歇 筋 斗
Vân Nhạc tàn canh
Lặc Đàm toan tửu
Cốc Tuyền ba tỉ

Chân Yết cân đẩu
411. 雲 嶽 殘 羹 - Vân Nhạc đáp canh thừa
412. 泐 潭 酸 酒 - Lặc Đàm nói rượu chua
413. 谷 泉 巴 鼻 - Cốc Tuyền có cơ phong
414. 真 歇 筋 斗 - Chân Yết giỏi lộn nhào

惠 可 斷 臂
神 觀 安 頭
王 老 水 牯
中 邑 獼 猴
Huệ Khả đoạn tí
Thần Quán an đầu
Vương lão thủy cổ
Trung Ấp di hầu

415. 惠 可 斷 臂 - Huệ Khả chặt cánh tay
416. 神 觀 安 頭 - Thần Quán còn thêm đầu
417. 王 老 水 牯 - Thầy Vương nói trâu đực
418. 中 邑 獼 猴 - Trung Ấp bảo khỉ cái

茱 萸 釘 橛
象 骨 輥 毬
龍 潭 送 餅
投 子 沽 油
Thù Du đinh quiết
Tượng Cốt cổn cầu
Long Đàm tống bỉnh
Đầu Tử cô du
419. 茱 萸 釘 橛 - Thù Du nói cây đinh

420. 象 骨 輥 球 - Tượng Cốt ném banh gỗ
421. 龍 潭 送 餅 - Sư Long Đàm tặng bánh
422. 投 子 沽 油 - Sư Đầu Tử bán dầu

嚴 陽 飼 虎
惠 藏 牧 牛
宣 鑒 出 浴
師 鼐 登 樓
Nghiêm Dương tự hổ
Huệ Tạng mục ngưu
Tuyên Giám xuất dục
Sư Nãi đăng lâu
423. 嚴 陽 飼 虎 - Sư Nghiêm Dương nuôi cọp
424. 惠 藏 牧 牛 - Sư Huệ Tạng chăn trâu

425. 宣 鑒 出 浴 - Tuyên Giám ra nhà tắm
426. 師 鼐 登 樓 - Sư Nãi leo lên lầu

雲 菴 奪 席
淨 照 隨 舟
國 師 三 喚
趙 州 一 搯
Vân Am đoạt tịch
Tịnh Chiếu tùy chu
Quốc sư tam hoán
Triệu Châu nhất thao
427. 雲 菴 奪 席 - Vân Am giành pháp tòa
428. 淨 照 隨 舟 - Tịnh Chiếu quá giang thuyền
429. 國 師 三 喚 - Quốc sư ba phen gọi

430. 趙 州 一 搖 - Triệu Châu một khi nghịch

大 隋 蓋 龜
百 丈 野 鴨
曹 嶠 靈 依
疎 山 壽 塔
Đại Tùy cái qui
Bách Trượng dã áp
Tào Kiệu linh y
Sơ Sơn thọ tháp
431. 大 隋 蓋 龜 - Đại Tùy với con rùa
432. 百 丈 野 鴨 - Bách Trượng con vịt trời
433. 曹 嶠 靈 衣 - Tào Kiệu chiếc áo linh
434. 疎 山 壽 塔 - Sơ Sơn tháp trường thọ

百 會 不 會
法 達 不 達
楊 岐 八 棒
臨 濟 四 喝
Bách Hội bất hội
Pháp Đạt bất đạt
Dương Kỳ bát bổng
Lâm Tế tứ hát
435. 百 會 不 會 - Bách Hội mà chẳng hội
436. 法 達 不 達 - Pháp Đạt lại chẳng đạt
437. 楊 岐 八 棒 - Dương Kì tám loại gậy
438. 臨 濟 四 喝 - Lâm Tế bốn thứ hét

匾 頭 被 罵
水 潦 遭 踏

死 心 下 火
自 蟬 掛 塔
Biển Đầu bị mạ
Thủy Lạo tao đạp
Tử Tâm hạ hỏa
Tự Thiền quải tháp
439. 匾 頭 被 罵 - Biển Đầu bị quở mắng
440. 水 潦 遭 踏 - Thủy Lạo bị ăn đạp
441. 死 心 下 火 - Tử Tâm châm đuốc đốt
442. 自 禪 掛 塔 - Tự Thiền cho ở đậu

天 然 口 啞
大 耳 心 通
文 益 書 字
曉 聰 栽 松
Thiên Nhiên khẩu á

Đại Nhó tâm thông
Văn Ích thư tự
Hiểu Thông tài tùng
443. 天 然 口 哑 - Thiên Nhiên bị câm miệng
444. 大 耳 心 通 - Đại Nhó tha tâm thông
445. 文 益 書 字 - Văn Ích bàn về viết chữ
446. 曉 聰 栽 松 - Sư Hiểu Thông trồng tùng

禾 山 義 虎
瑞 巖 臥 龍
翠 巖 唾 地
寶 壽 釘 空
Hòa Sơn Nghĩa Hổ
Thụy Nham Ngọa Long

Thúy Nham thóa địa
Bảo Thọ đính không
447. 禾 山 義 虎 - Hòa Sơn hiệu Nghĩa Hổ
448. 瑞 巖 臥 龍 - Thụy Nham đáp "Ngọa Long"
449. 翠 巖 唾 地 - Thúy Nham nhổ xuống đất
450. 寶 壽 釘 空 - Bảo Thọ đóng đinh hư không

一 城 人 瞎
三 日 耳 聾
東 山 餕 餡
楊 岐 栗 蓬
Nhất thành nhân hạt
Tam nhật nhĩ lung
Đông Sơn tuấn hạm

Dương Kỳ lật bồng
451. 一 城 人 瞎 - Một thành người mù mắt
452. 三 日 耳 聾 - Ba ngày bị điếc tai
453. 東 山 餕 餡 - Đông Sơn ăn bánh nhưn
454. 楊 岐 栗 蓬 - Dương Kì nuốt hạt gai

惠 南 主 法
居 訥 扶 宗
洪 濟 師 子
遼 陽 大 蟲
Huệ Nam chủ pháp
Cư Nột phù tông
Hồng Tế sư tử
Liêu Dương đại trùng
455. 惠 南 主 法 - Huệ Nam cách trụ

trì
456. 居 訥 扶 宗 - Cư Nột đỡ nâng tông
457. 洪 濟 師 子 - Sư tử của Hồng Tế
458. 遼 陽 大 蟲 - Con cọp Liêu Dương

趙 州 探 水
百 丈 夾 火
金 峰 行 餅
布 袋 拈 果
Triệu Châu thám thủy
Bách Trượng giáp hỏa
Kim Phong hành bính
Bố Đại niêm quả
459. 趙 州 探 水 - Triệu Châu thăm dò nước
460. 百 丈 夾 火 - Bách Trượng gắp

lửa ra
461. 金 峰 行 餅 - Kim Phong bày dọn bánh
462. 布 袋 拈 果 - Bố Đại cầm trái cây

中 邑 鳴 唧
青 山 骨 剉
明 招 目 眇
雲 門 腳 跛
Trung Ấp minh da
Thanh Sơn cốt tỏa
Minh Chiêu mục miễu
Vân Môn cước bả
463. 中 邑 鳴 唧 - Trung Ấp kêu oa oa
464. 青 山 骨 剉 - Thanh Sơn đáp gẫy xương
465. 明 招 目 眇 - Minh Chiêu bị chột mắt

466. 雲 門 腳 跛 - Vân Môn dập bàn chân

四 處 謾 人
三 翻 懕 懼
韶 陽 九 九
文 殊 三 三
Tứ xứ man nhân
Tam phiên ma la
Thiều Dương cửu cửu
Văn-thù tam tam
467. 四 處 謾 人 - Bốn chỗ dối gạt người
468. 三 翻 懕 懼 - Ba phen hổ thẹn quá
469. 韶 陽 九 九 - Thiều Dương: Chín lần chín
470. 文 殊 三 三 - Văn-thù đáp ba ba

金 牛 飯 桶
靈 照 菜 籃
丹 霞 燒 佛
婆 子 焚 庵
Kim Ngưu phạn dũng
Linh Chiếu thái lam
Đan Hà thiêu Phật
Bà tử phần am
471. 金 牛 飯 桶 - Kim Ngưu cái thùng cơm
472. 靈 照 菜 籃 - Linh Chiếu giỏ rau xanh
473. 丹 霞 燒 佛 - Đan Hà thiêu Phật gỗ
474. 婆 子 焚 庵 - Bà lão đốt am tranh

雲 盖 論 義
德 山 小 參

芙 蓉 妙 唱
常 察 玄 談
Vân Cái luận nghĩa
Đức Sơn tiểu tham
Phù Dung diệu xướng
Thường Sát huyền đàm
475. 雲 盖 論 義 - Sư Vân Cái luận nghĩa
476. 德 山 小 參 - Sư Đức Sơn tiểu tham
477. 芙 蓉 妙 唱 - Sư Phù Dung nói diệu
478. 常 察 玄 談 - Sư Thường Sát bàn huyền

二 祖 安心
洞 山 見 影
藥 嶺 榮 枯

夾 山 人 境
Nhị Tổ an tâm
Động Sơn kiến ảnh
Dược Lĩnh vinh khô
Giáp Sơn nhân cảnh
479. 二 祖 安 心 - Nhị Tổ được an tâm
480. 洞 山 見 影 - Động Sơn tự thấy bóng
481. 藥 嶺 榮 枯 - Dược Lĩnh tươi hay khô
482. 夾 山 人 境 - Giáp Sơn cảnh với người

香 嚴 上 樹
仰 山 出 井
趙 州 接 客
价 老 看 病
Hương Nghiêm thượng thụ

Ngưỡng Sơn xuất tỉnh
Triệu Châu tiếp khách
Giới lão khán bệnh
483. 香 嚴 上 樹 - Hương Nghiêm hỏi trèo cây
484. 仰 山 出 井 - Ngưỡng Sơn hỏi ra giếng
485. 趙 州 接 客 - Triệu Châu khéo tiếp khách
486. 价 老 看 病 - Ông Giới biết xem bệnh

南 泉 油 餈
韶 陽 餬 餅
德 山 托 鉢
象 骨 覆 盆
Nam Tuyền du tư
Thiều Dương hồ bỉnh

Đức Sơn thác bát
Tượng Cốt phúc bồn
487. 南 泉 油 餈 - Nam Tuyền ăn bánh tiêu
488. 韶 陽 餬 餅 - Thiều Dương nói bánh mè
489. 德 山 托 鉢 - Sư Đức Sơn bưng bát
490. 象 骨 覆 盆 - Sư Tượng Cốt úp chậu

婆 子 眷 屬
王 老 兒 孫
雲 居 送 袴
道 吾 得 褌
Bà tử quyến thuộc
Vương lão nhi tôn
Vân Cư tống khố

Đạo Ngô đắc côn
491. 婆 子 眷 屬 - Quyến thuộc của bà lão
492. 王 老 兒 孫 - Con cháu của thầy Vương
493. 雲 居 送 袴 - Vân Cư sai tặng khố
494. 道 吾 得 褌 - Đạo Ngô được cho quần

九 峰 頭 尾
洞 山 功 勳
楊 岐 七 事
元 靜 十 門
Cửu Phong đầu vó
Động Sơn công huân
Dương Kỳ thất sự
Nguyên Tĩnh thập môn
495. 九 峰 頭 尾 - Cửu Phong đáp đuôi

đầu
496. 洞 山 功 勳 - Động Sơn nói công huân
497. 楊 岐 七 事 - Dương Kì nói bảy việc
498. 元 靜 十 門 - Nguyên Tĩnh dạy mười môn

老 安 作 用
馬 祖 勞 倦
鏡 清 雨 聲
龐 公 雪 片
Lão An tác dụng
Mã Tổ lao quiện
Cảnh Thanh vũ thinh
Bàng công tuyết phiến
499. 老 安 作 用 - Lão An dạy tác dụng

500. 馬 祖 勞 倦 - Mã Tổ nói mệt mỏi
501. 鏡 清 雨 聲 - Cảnh Thanh tiếng mưa rơi (nhỏ giọt)
502. 龐 公 雪 片 - Ông Bàng nói mảnh tuyết

---o0o---

503 - 602

雪 竇 靈 臺
鼓 山 聖 箭
鐵 面 退 席
克 賓 出 院
Tuyết Đậu linh đài
Cổ Sơn thánh tiễn
Thiết Diện thối tịch
Khắc Tân xuất viện

503. 雪 竇 靈 臺 - Tuyết Đậu điểm linh đài
504. 鼓 山 聖 箭 - Cổ Sơn mũi tên thánh
505. 鐵 面 退 席 - Thiết Diện rút khỏi hội
506. 克 賓 出 院 - Khắc Tân rời khỏi viện

池 陽 百 問
佛 陀 三 勸
天 然 剗 草
提 婆 投 針
Trì Dương bách vấn
Phật Đà tam khuyến
Thiên Nhiên sản thảo
Đề-bà đầu châm
507. 池 陽 百 問 - Trì Dương hỏi trăm

câu
508. 佛 陀 三 勸 - Phật Đà trì ba hiệu
509. 天 然 剗 草 - Thiên Nhiên làm cỏ ... tóc
510. 提 婆 投 針 - Đề-bà ném kim khâu

藥 山 長 嘯
般 若 狂 吟
師 備 果 子
智 勤 林 擒
Dược Sơn trường tiếu
Bát-nhã cuồng ngâm
Sư Bị quả tử
Trí Cần lâm cầm
511. 藥 山 長 嘯 - Dược Sơn tiếng hú dài
512. 般 若 狂 吟 - Bát-nhã khúc ngâm

cuồng
513. 師 備 果 子 - Trái cây của Sư Bị
514. 智 勤 林 檎 - Trí Cần trái hoa hồng

佛 果 漱 口
婆 子 點 心
蠱 毒 之 鄉
荊 棘 之 林
Phật Quả thấu khẩu
Bà tử điểm tâm
Cổ độc chi hương
Kinh cức chi lâm
515. 佛 果 漱 口 - Phật Quả bảo súc miệng
516. 婆 子 點 心 - Bà già hỏi điểm tâm
517. 蠱 毒 之 鄉 - Thôn làng nhiều sâu độc

518. 荊 棘 之 林 - Cánh rừng đầy gai góc

本 寂 滲 漏
克 符 料 揀
佛 日 體 盆
國 師 水 椀
Bản Tịch sâm lậu
Khắc Phù liệu giản
Phật Nhật thể bồn
Quốc sư thủy oản
519. 本 寂 滲 漏 - Bản Tịch nói sâm lậu
520. 克 符 料 揀 - Khắc Phù tụng liệu giản
521. 佛 日 體 盆 - Phật Nhật cái bồn tắm

522. 國 師 水 椀 - Quốc sư cái chén nước

祖 心 北 觸
道 一 長 短
石 樓 無 耳
真 溪 具 眼
Tổ Tâm bối xúc
Đạo Nhất trường đoản
Thạch Lâu vô nhó
Chân Khê cụ nhãn
523. 祖 心 北 觸 - Tổ Tâm nêu phạm trái
524. 道 一 長 短 - Đạo Nhất đáp ngắn dài
525. 石 樓 無 耳 - Thạch Lâu không lỗ tai

526. 真 溪 具 眼 - Chân Khê đầy đủ mắt

可 真 點 胸
昌 禪 擔 板
德 山 招 扇
迦 葉 剎 竿
Khả Chân Điểm Hung
Xương Thiền đảm bản
Đức Sơn chiêu phiến
Ca-diếp sát can
527. 可 真 點 胸 - Khả Chân hiệu Điểm Hung
528. 昌 禪 擔 板 - Xương Thiền kẻ vác bảng
529. 德 山 招 扇 - Đức Sơn vẫy quạt chào

530. 迦 葉 剎 竿 - Ca-diếp cây cột phướn

佛 光 錦 帳
祐 國 金 襴
渭 終 海 嶋
亮 隱 西 山
Phật Quang cẩm trướng
Hựu Quốc kim lan
Tư chung hải đảo
Lượng ẩn Tây Sơn

531. 佛 光 錦 帳 - Phật Quang được màn gấm

532. 祐 國 金 襴 - Hựu Quốc y kim lan

533. 渭 終 海 嶋 - Tư mất ngoài hải đảo

534. 亮 隱 西 山 - Lượng ẩn ở Tây Sơn

大 道 松 妖
黃 龍 赤 斑
黃 牛 拒 戒
師 子 遇 姦
Đại Đạo tùng yêu
Hoàng Long xích ban
Hoàng Ngưu cự giới
Sư Tử ngộ gian
535. 大 道 松 妖 - Đại Đạo cây tùng ma
536. 黃 龍 赤 斑 - Hoàng Long rắn đỏ rằn
537. 黃 牛 拒 戒 - Hoàng ngưu cưỡng lời dạy
538. 師 子 遇 姦 - Sư Tử bị phao gian

石 頭 路 滑
五 祖 機 峻

明 招 虎 尾
老 宿 鼠 糞
Thạch Đầu lộ hoạt
Ngũ Tổ cơ tuấn
Minh Chiêu hổ vó
Lão túc thử phẩn
539. 石 頭 路 滑 - Thạch Đầu đường trơn trợt
540. 五 祖 機 峻 - Ngũ Tổ luận việc nghiêm
541. 明 招 虎 尾 - Minh Chiêu đáp đuôi cọp
542. 老 宿 鼠 糞 - Lão túc cục phân chuột

法 演 四 戒
守 初 三 頓
成 禪 一 喝

太 宗 十 問
Pháp Diễn tứ giới
Thủ Sơ tam đốn
Thành Thiền nhất hát
Thái Tông thập vấn
543. 法 演 四 戒 - Pháp Diễn bốn điều răn
544. 守 初 三 頓 - Thủ Sơ ba trận đòn
545. 成 禪 一 喝 - Một hét của Thành Thiền
546. 太 宗 十 問 - Mười câu hỏi của Thái Tông

耽 章 寶 鏡
南 衙 題 辭
新 開 鷄 鴨
石 門 鈎 錐
Đam Chương bảo cảnh

Nam Nha đề từ
Tân Khai kê áp
Thạch Môn câu chùy
547. 耽 章 寶 鏡 - Đam Chương viết Bảo Cảnh
548. 南 衙 題 辭 - Nam Nha khéo đề từ
549. 新 開 鷄 鴨 - Tân Khai nói gà vịt
550. 石 門 鈎 錐 - Thạch Môn nói móc dùi

無 餘 喝 道
萬 卦 題 詩
蚊 鑽 鐵 牛
鋸 解 平 槌
Vô Dư hát đạo
Vạn Quái đề thi
Văn toản thiết ngưu

Cứ giải bình chùy
551. 無 餘 喝 道 - Vô Dư quát dẹp đường
552. 萬 卦 題 詩 - Vạn Quái đề thơ thiền
553. 蚊 鑽 鐵 牛 - Con muỗi châm trâu sắt
554. 鋸 解 平 槌 - Cưa cắt trái cân nguyên

龐 蘊 是 非
清 平 豐 儉
大 顛 佛 光
雪 峰 火 焰
Bàng Uẩn thị phi
Thanh Bình phong kiệm
Đại Điên Phật quang
Tuyết Phong hỏa diệm

555. 龐 蘊 是 非 - Bàng Uẩn nói phải trái
556. 清 平 豐 儉 - Thanh bình nói phong kiệm
557. 大 顛 佛 光 - Đại Điên rạng Phật pháp
558. 雪 峰 火 焰 - Tuyết Phong nói ngọn lửa

大 惠 還 僧
寂 音 遭 貶
首 山 竹 篦
玄 冥 木 劍
Đại Huệ hoàn tăng
Tịch Âm tao biếm
Thủ Sơn trúc bề
Huyền Minh mộc kiếm
559. 大 惠 還 僧 - Đại Huệ lại làm

tăng
560. 寂 音 遭 貶 - Tịch Âm bị trách đuổi
561. 首 山 竹 篦 - Thủ Sơn cây trúc bề
562. 玄 冥 木 劍 - Huyền Minh cây kiếm gỗ

少 林 斥 相
牛 頭 辨 通
道 通 石 紫
緣 德 塔 紅
Thiếu Lâm xích tướng
Ngưu Đầu biện thông
Đạo Thông thạch tử
Duyên Đức tháp hồng
563. 少 林 斥 相 - Thiếu Lâm bài xích tướng
564. 牛 頭 辨 通 - Ngưu Đầu giảng

giải thông
565. 道 通 石 紫 - Đạo Thông ngọc màu đỏ
566. 緣 德 塔 紅 - Duyên Đức tháp sắc hồng

雪 竇 翰 林
浮 山 錄 公
長 髭 爐 雪
寶 積 劍 空
Tuyết Đậu hàn lâm
Phù Sơn Lục Công
Trường Tư lô tuyết
Bảo Tích kiếm Không
567. 雪 竇 翰 林 - Tuyết Đậu giỏi văn chương
568. 浮 山 錄 公 - Phù Sơn hiệu Lục Công

569. 長 髭 爐 雪 - Trường Tư tuyết trên lò lửa
570. 寶 積 劍 空 - Bảo Tích cây kiếm không (Vương)

神 鼎 碎 餅
趙 州 斷 薪
石 窗 省 母
洞 山 辭 親
Thần Đỉnh toái bỉnh
Triệu Châu đoạn tân
Thạch Song tỉnh mẫu
Động Sơn từ thân
571. 神 鼎 碎 餅 - Thần Đỉnh bánh cơm khô
572. 趙 州 斷 薪 - Triệu Châu bẻ làm củi
573. 石 窗 省 母 - Thạch Song thăm

viếng mẹ
574. 洞 山 辭 親 - Động Sơn từ giã cha mẹ

石 霜 雷 遷
大 惠 時 新
漸 源 覓 骨
雲 庵 展 真
Thạch Sương lôi thiên
Đại Huệ thời tân
Tiệm Nguyên mịch cốt
Vân Am triển chân.
575. 石 霜 雷 遷 - Thạch Sương: giông dời tháp
576. 大 惠 時 新 - Đại Huệ ngày đầu năm
577. 漸 源 覓 骨 - Tiệm Nguyên tìm linh cốt

578. 雲 庵 展 真 - Vân Am mở chân dung

癡 絕 翳 晴
慧 覺 鎖 口
善 登 百 拙
道 元 五 斗
Si Tuyệt ế tình
Huệ Giác tỏa khẩu
Thiện Đăng Bách Chuyết
Đạo Nguyên Ngũ Đẩu
579. 癡 絕 翳 睛 - Si Tuyệt cách che mắt
580. 慧 覺 鎖 口 - Huệ Giác đóng kín miệng
581. 善 登 百 拙 - Thiện Đăng hiệu Bách Chuyết

582. 道 元 五 斗 - Đạo Nguyên hiệu Ngũ Đẩu

世 奇 聽 蛙
應 真 撞 狗
蓮 峰 榔 票
松 源 茗 帚
Thế Kì thính oa
Ứng Chân tràng cẩu
Liên Phong lang tiêu
Tùng Nguyên điều chửu
583. 世 奇 聽 蛙 - Thế Kì nghe ếch kêu
584. 應 真 撞 狗 - Ứng Chân đụng con chó
585. 蓮 峰 榔 票 - Liên Phong nói ngọn cau

586. 松 源 苕 帚 - Tùng Nguyên nói cây chỗi rơm

從 悅 荔 枝
處 凝 蘆 菔
真 歇 換 衣
且 菴 辭 服
Tùng Duyệt lệ chi
Xử Ngưng lô bặc
Chân Yết hoán y
Thả Am từ phục
587. 從 悅 荔 枝 - Tùng Duyệt ăn trái vải
588. 處 凝 蘆 菔 - Xử Ngưng nướng củ cải
589. 真 歇 換 衣 - Chân Yết đổi lá y
590. 且 菴 辭 服 - Thả Am không chịu mặc áo

祖 慶 廿 筋
即 庵 一 粥
曇 華 桃 嫩
法 常 梅 熟
Tổ Khánh chấp trợ
Tức Am nhất chúc
Đàm Hoa đào nộn
Pháp Thường mai thục
591. 祖 慶 廿 筋 - Tổ Khánh mười đôi đũa
592. 即 庵 一 粥 - Tức Am một bữa cháo
593. 曇 華 桃 嫩 - Đàm Hoa cây đào non
594. 法 常 梅 熟 - Pháp Thường trái mai chín

道 信 勿 繩
慧 能 欠 篩
臨 濟 打 爺
黃 蘗 超 師
Đạo Tín vật thằng
Huệ Năng khiếm si
Lâm Tế đả gia
Hoàng Bá siêu Sư
595. 道 信 勿 繩 - Đạo Tín: đâu ai trói!
596. 慧 能 欠 篩 - Huệ Năng: thiếu cái sàng
597. 臨 濟 打 爺 - Lâm Tế đánh ông cha (Sư phụ)
598. 黃 蘗 超 師 - Hoàng Bá vượt hơn Thầy

茶 陵 有 珠
香 嚴 無 錐
慧 日 論 藥
柴 石 因 棋
Trà Lăng hữu châu
Hương Nghiêm vô chùy
Huệ Nhật luận dược
Sài Thạch nhân kì
599. 茶 陵 有 珠 - Trà Lăng có viên ngọc
600. 香 嚴 無 錐 - Hương Nghiêm không có dùi
601. 慧 日 論 藥 - Huệ Nhật luận về thuốc
602. 柴 石 因 棋 - Sài Thạch nhân đánh cờ (thuyết pháp)

---o0o---

603 - 706

祖 元 戒 神
天 然 騎 聖
大 隋 服 務
隱 之 持 淨
Tổ Nguyên giới Thần
Thiên Nhiên kị Thánh
Đại Tùy phục vụ
Ẩn Chi trì tịnh
603. 祖 元 戒 神 - Tổ Nguyên răn nhắc Thần
604. 天 然 騎 聖 - Thiên Nhiên cưỡi tượng Thánh
605. 大 隋 服 務 - Đại Tùy làm việc chúng
606. 隱 之 持 淨 - Ẩn Chi làm Tịnh đầu

圓 照 載 歸
宏 智 舁 請
寂 照 遵 記
懷 志 守 命
Viên Chiếu tải qui
Hoằng Trí dư thỉnh
Tịch Chiếu tuân kí
Hoài Chí thủ mệnh
607. 圓 照 載 歸 - Viên Chiếu được chở về
608. 宏 智 舁 請 - Hoằng Trí được khiêng đi
609. 寂 照 遵 記 - Tịch Chiếu theo lời dặn dò
610. 懷 志 守 命 - Hoài Chí giữ di chúc

慈 明 偶 欲
白 雲 太 早
此 庵 布 袋
香 林 紙 襖
Từ Minh ngẫu dục
Bạch Vân thái tảo
Thử Am bố đại
Hương Lâm chỉ áo
611. 慈 明 偶 欲 - Từ Minh chợt muốn tu
612. 白 雲 太 早 - Bạch Vân phát dụng quá sớm
613. 此 庵 布 袋 - Thử Am cái túi vải
614. 香 林 紙 襖 - Hương Lâm chiếc áo giấy

雪 峰 笊 籬
慧 安 栲 栳

慈 覺 勸 參
道 吾 樂 道
Tuyết Phong tráo li
Huệ An khảo lão
Từ Giác khuyến tham
Đạo Ngô lạc đạo
615. 雪 峰 笊 籬 - Tuyết Phong vác cái vợt
616. 慧 安 栲 栳 - Huệ An mang cái giỏ
617. 慈 覺 勸 參 - Từ Giác khuyên tham thiền
618. 道 吾 樂 道 - Đạo Ngô hát Lạc đạo

百 丈 禪 居
大 覺 蒙 堂
德 用 大 碗

自 寶 生 薑
Bách Trượng thiền cư
Đại Giác Mông đường
Đức Dụng đại oản
Tự Bảo sinh khương
619. 百 丈 禪 居 - Bách Trượng lập Thiền viện
620. 大 覺 蒙 堂 - Đại Giác lập Mông đường
621. 德 用 大 碗 - Đức Dụng cái chén to
622. 自 寶 生 薑 - Tự Bảo bán gừng sống

牛 頭 蘆 菜
芙 蓉 米 湯
或 庵 有 兒
明 教 此 郎

Ngưu Đầu tê thái
Phù Dung mễ thang
Hoặc Am hữu nhi
Minh Giáo thử lang.
623. 牛 頭 薹 菜 - Ngưu Đầu rau dưa muối
624. 芙 蓉 米 湯 - Phù Dung húp nước cháo
625. 或 庵 有 兒 - Có đứa trẻ Hoặc Am
626. 明 教 此 郎 - Minh Giáo, anh chàng này

霍 山 四 藤
洛 普 隻 箭
端 設 祖 堂
鑒 拆 佛 殿
Hoắc Sơn tứ đằng

Lạc Phổ chích tiễn
Đoan thiết Tổ đường
Giám sách Phật điện
627. 霍 山 四 藤 - Hoắc Sơn bốn roi mây
628. 樂 普 隻 箭 - Lạc Phổ một mũi tên
629. 端 設 祖 堂 - Đoan lập ra Tổ đường
630. 鑒 拆 佛 殿 - Giám dỡ bỏ điện Phật

月 堂 拒 化
玉 泉 數 饌
雲 頂 三 教
法 泉 萬 卷
Nguyệt Đường cự hóa
Ngọc Tuyền sổ soạn

Vân Đỉnh Tam Giáo
Pháp Tuyền Vạn Quyển
631. 月 堂 拒 化 - Nguyệt Đường không chịu hóa duyên
632. 玉 泉 數 饌 - Ngọc Tuyền quở đãi tiệc
633. 雲 頂 三 教 - Vân Đỉnh hiệu Tam Giáo
634. 法 泉 萬 卷 - Pháp Tuyền hiệu Vạn Quyển

鵝 湖 水 月
南 嶽 天 澤
寶 掌 千 歲
趙 州 七 百
Nga Hồ thủy nguyệt
Nam Nhạc thiên trạch
Bảo Chưởng thiên tuế

Triệu Châu thất bách
635. 鵝 湖 水 月 - Nga Hồ trăng trong nước
636. 南 嶽 天 澤 - Nam Nhạc trời mưa ướt
637. 寶 掌 千 歲 - Bảo Chưởng sống ngàn năm
638. 趙 州 七 百 - Triệu Châu thọ trăm hai

義 懷 折 擔
自 回 功 石
伊 庵 同 勞
真 如 自 役
Nghĩa Hoài chiết đảm
Tự Hồi công thạch
Y Am đồng lao
Chân Như tự dịch

639. 義 懷 折 擔 - Nghĩa Hoài gãy đòn gánh
640. 自 回 攻 石 - Tự Hồi đập bể đá
641. 伊 庵 同 勞 - Y Am cùng lao động
642. 真 如 自 役 - Chân Như tự làm lấy

泐 潭 藥 汞
雲 門 丹 砂
黃 蘗 無 多
歸 宗 較 些
Lặc Đàm dược hống
Vân Môn đơn sa
Hoàng Bá vô đa
Quy Tông giảo ta
643. 泐 潭 藥 汞 - Lặc Đàm như thủy ngân

644. 雲 門 丹 砂 - Vân Môn như đơn sa
645. 黃 蘗 無 多 - Hoàng Bá không có nhiều
646. 歸 宗 較 些 - Qui Tông hơn một chút

法 眼 未 了
大 覺 太 賒
葉 縣 還 麼
法 雲 會 茶
Pháp Nhãn vị liễu
Đại Giác thái xa
Diệp Huyện hoàn miến
Pháp Vân hội trà
647. 法 眼 未 了 - Pháp Nhãn nói chưa liễu
648. 大 覺 太 賒 - Đại Giác rất rộng rãi

649. 葉 縣 還 麪 - Diệp Huyện bắt đền bột
650. 法 雲 會 茶 - Pháp Vân mời uống trà

仰 山 圓 相
巖 頭 伊 字
高 庵 歎 侈
宏 智 助 匱
Ngưỡng Sơn viên tướng
Nham Đầu y tự
Cao Am thán xỉ
Hoằng Trí trợ quĩ
651. 仰 山 圓 相 - Ngưỡng Sơn vẽ tướng tròn
652. 巖 頭 伊 字 - Nham Đầu dạy chữ Y
653. 高 庵 歎 侈 - Cao Am than xa xí

654. 宏 智 助 匱 - Hoằng Trí giúp thiếu hụt

石 頭 草 菴
芭 蕉 楮 帔
善 暹 辜 恩
頎 老 改 嗣
Thạch Đầu thảo am
Ba Tiêu chữ bí
Thiện Xiêm cô ân
Kỳ Lão cải tự
655. 石 頭 草 菴 - Thạch Đầu chiếc am tranh
656. 芭 蕉 楮 帔 - Ba Tiêu áo choàng bằng giấy
657. 善 暹 辜 恩 - Thiện Xiêm phụ ân thầy

658. 頎 老 改 嗣 - Ông Kì đổi dòng pháp

德 山 脊 鐵
寰 中 聲 鐘
淨 因 掃 竹
青 林 栽 松
Đức Sơn tích thiết
Hoàn Trung thanh chung
Tịnh Nhân tảo trúc
Thanh Lâm tài tùng.

659. 德 山 脊 鐵 - Đức Sơn xương sống sắt

660. 寰 中 聲 鐘 - Hoàn Trung tiếng như chuông

661. 淨 因 掃 竹 - Tịnh Nhân quét lá trúc

662. 青 林 栽 松 - Thanh Lâm trồng cây thông

真 際 散 宅
佛 果 滅 宗
無 住 庭 鵡
神 讚 窗 蜂
Chân Tế tán trạch
Phật Quả diệt tông
Vô Trụ đình nha
Thần Tán song phong
663. 真 際 散 宅 - Chân Tế phá tan nhà
664. 佛 果 滅 宗 - Phật Quả diệt tông phong
665. 無 住 庭 鵡 - Vô Trụ, quạ trong sân
666. 神 讚 窗 蜂 - Thần Tán, ong cửa sổ

乾 峰 法 身
薦 福 自 己
應 菴 蚖 蛇
佛 日 蟲 豸
Càn Phong pháp thân
Tiến Phúc tự kỉ
Ứng Am nguyên xà
Phật Nhật trùng trĩ
667. 乾 峰 法 身 - Càn Phong chỉ pháp thân
668. 薦 福 自 己 - Tiến Phúc dạy tự kỉ
669. 應 菴 蚖 蛇 - Ứng Am nói rắn độc
670. 佛 日 蟲 豸 - Phật Nhật nói con sâu

肯 庵 籠 篋
修 顒 行 李

慧 圓 一 交
景 深 大 死
Khẳng Am lung khiếp
Tu Ngung hành lí
Huệ Viên nhất giao
Cảnh Thâm đại tử
671. 肯 庵 籠 箧 - Khẳng Am nhiều rương hòm
672. 修 顒 行 李 - Tu Ngung lắm hành lí
673. 慧 圓 一 交 - Huệ Viên bảo một lần
674. 景 深 大 死 - Cảnh Thâm được chết sạch

積 翠 鬻 珍
楊 岐 治 璠
佛 眼 題 壁

晦 堂 牓 門
Tích Thúy dục trân
Dương Kỳ trị phan
Phật Nhãn đề bích
Hối Đường bảng môn
675. 積 翠 鬻 珍 - Tích Thúy (như) bán đồ quí
676. 楊 岐 治 璠 - Dương Kì (như người) sửa ngọc quí
677. 佛 眼 題 壁 - Phật Nhãn viết trên vách
678. 晦 堂 牓 門 - Hối Đường viết bên cửa

死 心 甲 科
晦 菴 狀 元
少 林 開 華
曹 溪 歸 根

Tử Tâm giáp khoa
Hối Am Trạng Nguyên
Thiếu Lâm khai hoa
Tào Khê quy căn
679. 死 心 甲 科 - Tử Tâm thi đỗ cao
680. 晦 菴 狀 元 - Hối Am hiệu Trạng Nguyên
681. 少 林 開 華 - Thiếu Lâm đóa hoa nở
682. 曹 溪 歸 根 - Tào Khê trở về nguồn

法 眼 六 相
慈 明 三 印
枯 禪 鏡 墮
瑞 光 鼓 震
Pháp Nhãn lục tướng
Từ Minh tam ấn

Khô Thiền Cảnh Đọa
Thụy Quang cổ chấn
683. 法 眼 六 相 - Pháp Nhãn đáp sáu tướng
684. 慈 明 三 印 - Từ Minh (nói) ba thứ ấn
685. 枯 禪 鏡 墮 - Khô Thiền Tự Cảnh Đọa
686. 瑞 光 鼓 震 - Thụy Quang trống vang động

無 見 卻 券
虛 谷 還 贖
哲 魁 謝 招
知 昺 擲 信
Vô Kiến khước khoán
Hư Cốc hoàn tẫn
Triết Khôi tạ chiêu

Tri Bính trịch tín
687. 無 見 卻 券 - Vô Kiến bỏ bằng khoán
688. 虛 谷 還 贐 - Hư Cốc trả lễ vật
689. 哲 魁 謝 招 - Triết Khôi từ (chối) lời mời
690. 知 昺 擲 信 - Tri Bính ném bỏ thư

華 嚴 蟠 龍
投 子 俊 鷹
永 安 定 見
慧 寂 夢 昇
Hoa Nghiêm bàn long
Đầu Tử tuấn ưng
Vĩnh An định kiến
Huệ Tịch mộng thăng
691. 華 嚴 蟠 龍 - Hoa Nghiêm rồng

uốn khúc
692. 投 子 俊 鷹 - Đầu Tử chim cắt đẹp
693. 永 安 定 見 - Vĩnh An thấy trong định
694. 慧 寂 夢 昇 - Huệ Tịch mộng bay lên

慧 海 珠 明
冶 父 川 增
遇 賢 擊 瓦
藻 先 扣 水
Huệ Hải Châu minh
Dã Phụ Xuyên tăng
Ngộ Hiền kích ngõa
Tảo Tiên khấu thủy
695. 慧 海 珠 明 - Huệ Hải hạt châu sáng

696. 冶 父 川 增 - Dã Phụ thêm tên Xuyên
697. 遇 賢 擊 瓦 - Ngộ Hiền đập ngói gạch
698. 藻 先 扣 水 - Tảo Tiên nói đậy nước

福 先 進 歌
汾 陽 始 頌
歸 宗 真 藥
蒙 庵 毒 種
Phúc Tiên tiến ca
Phần Dương thủy tụng
Quy Tông chân dược
Mông Am độc chủng
699. 福 先 進 歌 - Phúc Tiên dâng bài ca
700. 汾 陽 始 頌 - Phần Dương (làm)

tụng đầu tiên
701. 歸 宗 真 藥 - Qui Tông có thuốc hay
702. 蒙 庵 毒 種 - Mông Am có giống độc

德 挫 將 軍
元 接 僧 統
法 雲 世 諦
大 潙 念 誦
Đức tỏa tướng quân
Nguyên tiếp Tăng thống
Pháp Vân thế đế
Đại Quy niệm tụng
703. 德 挫 將 軍 - Đức Hạ được tướng quân
704. 元 接 僧 統 - Nguyên tiếp rước Tăng thống

705. 法 雲 世 諦 - Pháp Vân nói thế đế
706. 大 滆 念 誦 - Đại Qui nhiều niệm tụng

---o0o---
HẾT